

Số: /KH-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng năm

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang năm 2026

Phần I
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2025

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU NĂM 2025

Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu năm 2025 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đạt hoặc vượt mục tiêu đề ra, như:

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình. **Kết quả: Đạt 100%.**
- 80% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến. **Kết quả: Đạt 90%.**
- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số¹ đạt trên 50%. **Kết quả: Đạt 65%.**
- 100% trung tâm thương mại trên toàn tỉnh, 80% cơ sở cung cấp dịch vụ ăn uống, bán lẻ hàng hóa tại các trung tâm thương mại, cửa hàng bán lẻ hàng tiêu dùng triển khai giải pháp hóa đơn điện tử. **Kết quả: Đạt 100%.**
- Hình thành và triển khai tối thiểu 01 trung tâm dữ liệu tỉnh. **Kết quả: Đạt.**
- Tỷ lệ triển khai học bạ số đối với học sinh và bảng điểm số đối với sinh viên đạt 100%. **Kết quả: Đạt 100%.**
- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục công lập trên toàn quốc triển khai thanh toán học phí không dùng tiền mặt đạt tỷ lệ 100%. **Kết quả: Đạt 100%.**
- Tỷ lệ các bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh triển khai Sổ sức khỏe điện tử tích hợp trên ứng dụng VNeID đạt 100%. **Kết quả: Đạt 100%.**
- Tỷ lệ phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước đạt 100%, tỷ lệ triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ của các cơ quan nhà nước đạt 100%. **Kết quả: Đạt.**

Với một số kết quả nổi bật trên, theo công bố của Bộ Khoa học và Công nghệ ngày 21/10/2025 về chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh năm 2024, tỉnh Tuyên Quang đứng thứ 22/34 tỉnh, thành phố. Đây là kết quả thể hiện sự quyết liệt, quyết tâm trong lãnh, chỉ đạo thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang trong năm 2025.

¹ Theo báo cáo của Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ NĂM 2025

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được

Trước thời điểm hợp nhất hai tỉnh, UBND các tỉnh Tuyên Quang và Hà Giang (trước đây) đã kịp thời ban hành kế hoạch thực hiện chuyển đổi số năm 2025² để đẩy mạnh công tác chuyển đổi số trên địa bàn hai tỉnh theo tinh thần tại Nghị quyết số 57-NQ/TW và Nghị quyết số 71/NQ-CP. Đồng thời, khẩn trương thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, để chỉ đạo triển khai thực hiện các nhiệm vụ đã đề ra tại các nghị quyết, trong đó có các nội dung, nhiệm vụ về chuyển đổi số.

Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh thành lập Ban Chỉ đạo, Tổ giúp việc; ban hành kế hoạch thực hiện, quy chế hoạt động;... làm căn cứ tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã ký Thỏa thuận hợp tác về chuyển đổi số, giai đoạn 2025-2030 với Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel) và Tập đoàn Bưu chính viễn thông (VNPT). Đồng thời, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tạo điều kiện các doanh nghiệp viễn thông triển khai hạ tầng phủ sóng di động tại các thôn lóm sóng đã có điện trên địa bàn tỉnh.

b) Tồn tại, hạn chế

Một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa quyết liệt trong công tác thực hiện các nhiệm vụ về chuyển đổi số của tỉnh nói chung và của cơ quan, đơn vị nói riêng; tiến độ thực hiện một số nhiệm vụ còn chậm.

2. Về công tác hoàn thiện thể chế số

a) Kết quả đạt được

Đề cụ thể hoá và thực hiện đầy đủ quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ, Tỉnh ủy đã kịp thời ban hành văn bản chỉ đạo, triển khai làm cơ sở triển khai các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo nói chung và chuyển đổi số nói riêng, theo đó ưu tiên phát triển chuyển đổi số toàn diện trên 03 trụ cột: Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

Cụ thể: Sau hợp nhất tỉnh, Tỉnh ủy Tuyên Quang đã ban hành 04 Quyết định; 04 Kế hoạch; Ban Chỉ đạo ban hành 02 Quyết định, 02 Kế hoạch; UBND

² Tỉnh Tuyên Quang (cũ) thực hiện Kế hoạch số 60/KH-UBND ngày 26/3/2025 Chuyển đổi số năm 2025 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; tỉnh Hà Giang (cũ) ban hành Kế hoạch số 224/KH-UBND ngày 21/10/2024 Chuyển đổi số tỉnh Hà Giang năm 2025.

tỉnh ban hành 16 Quyết định, 16 Kế hoạch; Ban chỉ đạo của UBND tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06 ban hành 01 Quyết định, 02 Kế hoạch.

(Có danh sách chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo).

b) Tồn tại, hạn chế

Một số văn bản, quy định cho chuyển đổi số chậm được ban hành; một số sở, ngành còn lúng túng trong việc triển khai nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo gắn với chuyển đổi số. Chưa có cơ chế, chính sách đặc thù cho Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh.

3. Hạ tầng số

a) Kết quả đạt được

- *Hạ tầng viễn thông, Internet:* Hạ tầng viễn thông, internet của tỉnh tiếp tục được duy trì, phát triển và mở rộng. Đến nay, toàn tỉnh có 3.098 trạm BTS đang hoạt động, trong đó có 593 trạm BTS 5G; 100% trung tâm xã, phường đã được triển khai hạ tầng internet cáp quang, trạm BTS 5G; Hệ thống mạng truyền số liệu chuyên dùng (TSLCD) được triển khai đến 100% cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh, đảm bảo hoạt động ổn định và thông suốt.

- *Hạ tầng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước:*

Hệ thống mạng nội bộ, mạng Internet được đầu tư tại 100% các cơ quan hành chính; Hoàn thành triển khai Mạng diện rộng WAN tỉnh Tuyên Quang (từ cấp tỉnh đến cấp xã) để kết nối thông suốt;

Duy trì hoạt động hệ thống dùng chung của tỉnh phục vụ công tác chỉ đạo điều hành từ cấp tỉnh tới cấp xã, như: Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến của tỉnh; nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP); Trung tâm giám sát, điều hành thông minh tỉnh Tuyên Quang (IOC); Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh; Cổng dữ liệu dùng chung tỉnh; Cổng Thông tin điện tử tỉnh; Hệ thống Thư điện tử công vụ; Phần mềm Quản lý văn bản và điều hành; Hệ thống Thông tin giải quyết thủ tục hành chính; Hệ thống Thông tin báo cáo tỉnh...

b) Tồn tại, hạn chế

- Sau khi hợp nhất tỉnh, địa bàn tỉnh rộng, một số thôn chưa có điện, chưa có sóng di động, ảnh hưởng đến công tác chuyển đổi số của địa phương.

- Về cơ sở vật chất, trang thiết bị và hạ tầng kỹ thuật một số Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã hiện chưa đồng bộ, nhiều máy tính đã cũ, xuống cấp, ảnh hưởng đến chất lượng và tiến độ xử lý hồ sơ.

4. Về công tác bồi dưỡng, phát triển nhân lực

a) Kết quả đạt được

Tiếp tục thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát

triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan, đơn vị trong tỉnh đã chủ trì, phối hợp tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh³.

Tỉnh đã phát động Phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, nhằm triển khai sâu rộng và phổ cập tri thức cơ bản về chuyển đổi số, kỹ năng số cho người dân, tạo nên cuộc vận động toàn dân thi đua học tập, rèn luyện kỹ năng số, tích cực tham gia vào tiến trình chuyển đổi số.

Tỉnh đã thành lập 3.926 Tổ công nghệ số cộng đồng⁴ cấp xã và các thôn, tổ với hơn 20.250 thành viên. Các thành viên tích cực hỗ trợ người dân, doanh nghiệp trong việc sử dụng các nền tảng số phục vụ cuộc sống, đặc biệt là hỗ trợ người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

Tỉnh tiếp tục đầu tư phát triển tiềm lực về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại Trường Đại học Tân Trào, Trường Cao đẳng Nghề Kỹ thuật - Công nghệ và một số trường trung học để trở thành hạt nhân, nòng cốt và trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đối với một số lĩnh vực của tỉnh. Ngoài ra, tỉnh đã ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội (khối chính quyền tỉnh Tuyên Quang) theo Nghị định số 179/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ.

b) Tồn tại, hạn chế

- Nguồn nhân lực chuyển đổi số chất lượng chưa cao, thiếu cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin tại cấp xã.

- Tại một số Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã vẫn còn thiếu nhân lực cần bổ sung để đảm bảo thực hiện hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Kỹ năng số của người dân chưa đồng đều (*nhất là ở cấp xã*); việc tiếp cận và sử dụng các nền tảng số, ứng dụng số của người dân lớn tuổi còn nhiều hạn chế.

5. Dữ liệu số

a) Kết quả đạt được

³ Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức 04 Hội nghị tập huấn, 11 lớp bồi dưỡng chuyển đổi số và ứng dụng AI cho cán bộ, công chức, viên chức từ cấp tỉnh đến cấp xã. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tổ chức 04 Hội nghị tập huấn, 03 lớp bồi dưỡng về vận hành Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã, TTHC, ứng dụng AI nâng cao hiệu quả giải quyết TTHC. Công an tỉnh đã tổ chức 03 Hội nghị tập huấn, bồi dưỡng về ứng dụng AI; công tác đảm bảo an toàn, an ninh mạng và diễn tập an toàn thông tin mạng năm 2025; Trường Đại học Tân Trào đã Tổ chức Hội nghị tập huấn quốc tế về "Ứng dụng Trí tuệ nhân tạo trong dạy và học tiếng anh như một ngoại ngữ"; Sở Nội vụ tổ chức 02 lớp tập huấn nghiệp vụ công tác tổ chức cán bộ năm 2025 cho 166 học viên trong tháng 10/2025.

⁴ Gồm: 124 Tổ CNSCĐ cấp xã với 1.240 thành viên; 3.802 Tổ CNSCĐ của thôn với 19.010 thành viên.

Duy trì, sử dụng có hiệu quả các hệ thống, phần mềm dùng chung của tỉnh ngành, lĩnh vực để phát triển dữ liệu số, như: Phần mềm Quản lý văn bản và điều hành; Hệ thống thông tin báo cáo; Hệ thống thư điện tử tỉnh; Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh; Phần mềm số hóa kết quả giải quyết TTHC, kho dữ liệu số; Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến tỉnh. Kết quả nổi bật:

- Tiếp tục duy trì hoạt động ổn định Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) nhằm kết nối liên thông dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước và với các nền tảng, hệ thống quốc gia (số dịch vụ đã kết nối từ bên ngoài với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (National 3 Data Exchange Platform - NDXP), Trục liên thông văn bản quốc gia (VDXP) là 23 hệ thống.

- Việc số hóa dữ liệu tiếp tục được đẩy mạnh trong các ngành, lĩnh vực của tỉnh; dữ liệu được số hóa đảm bảo tiêu chí “Đúng - Đủ - Sạch - Sống”:

- + Lĩnh vực Nội vụ: Đã số hóa và có 50.165 hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức được cập nhật đồng bộ lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức. Tổng số lượng tài liệu đã số hóa là 14.822.027 trang tài liệu; tổng số tài liệu cần số hóa 42.384.716 trang tài liệu (trong đó tài liệu cấp huyện sau kết thúc hoạt động là 26.444.716 trang; cơ quan, đơn vị cấp tỉnh là 15.940.000 trang).

- + Lĩnh vực Tư pháp, Tòa án: Đã thực hiện số hóa 31.577/31.577 hồ sơ vụ, việc về hôn nhân gia đình; hoàn thành số hóa 314.732/314.732 thông tin đăng ký kết hôn của công dân.

- + Các cơ quan cấp huyện trước khi kết thúc hoạt động đã thực hiện số hóa khoảng 14,2 triệu trang tài liệu thuộc các hồ sơ có thời hạn bảo quản vĩnh viễn; 29.777 hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức.

- Tiếp tục thực hiện làm sạch dữ liệu xác thực với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trên các lĩnh vực: Bảo hiểm xã hội; thuế; y tế; xây dựng; tư pháp, giáo dục và đào tạo; nông nghiệp và môi trường.

- Tiếp tục duy trì việc cấp Phiếu lý lịch tư pháp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID; triển khai Sổ sức khỏe điện tử; triển khai cấp đổi thẻ Đảng viên và thực hiện các chế độ an sinh xã hội trên nền tảng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, định danh và xác thực điện tử, bảo đảm phục vụ hiệu quả người dân trên địa bàn tỉnh.

Cổng cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh đã được kết nối, tích hợp nhiều nguồn thông tin như: vùng sản xuất trồng trọt hữu cơ; diện tích, năng suất, sản lượng một số loại cây trồng; bảng giá vật liệu xây dựng; các di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu; danh sách địa điểm du lịch và các công ty lữ hành;... phục vụ công tác quản lý và tra cứu trên địa bàn tỉnh.

b) Tồn tại, hạn chế

Một số nền tảng số và CSDL chuyên ngành do Bộ, ngành triển khai còn

thiếu hướng dẫn, chưa thực sự thống nhất, đồng bộ, chưa được chuẩn hóa sau sáp nhập.

6. An toàn thông tin mạng

a) Kết quả đạt được

Trong quý I/2025, Sở Khoa học và Công nghệ đã thực hiện và hoàn thành bàn giao chức năng quản lý nhà nước về an toàn thông tin mạng về Công an tỉnh Tuyên Quang tiếp tục quản lý theo quy định (nhiệm vụ được chuyển giao từ Bộ Thông tin và Truyền thông (trước đây) sang Bộ Công an theo chủ trương của Bộ Chính trị và chỉ đạo của Chính phủ), nhằm đảm bảo sự tập trung và hiệu quả trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia trên không gian mạng.

Duy trì hoạt động ổn định Hệ thống giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng tập trung (SOC) của tỉnh; thực hiện giám sát 24/24, đảm bảo an toàn cho các hệ thống thông tin của tỉnh và chia sẻ thông tin với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC); duy trì giải pháp phòng, chống mã độc cho máy tính tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, hướng dẫn các cơ quan, địa phương tiếp tục thực hiện rà soát lại phương án đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ đối với các hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý, duy trì, vận hành;... đáp ứng các yêu cầu thực tế hiện nay. 100% hệ thống thông tin của tỉnh được đánh giá, kiểm tra an toàn định kỳ. Đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức an toàn thông tin cho cán bộ, công chức và tiếp tục được quan tâm, thực hiện.

b) Tồn tại, hạn chế:

Phần lớn ở cấp xã chưa có cán bộ chuyên trách về chuyển đổi số, chỉ làm kiêm nhiệm vì vậy công tác đảm bảo an toàn ở cấp xã còn mang tính thụ động; kiến thức về đảm bảo an toàn thông tin chỉ ở mức cơ bản, chưa được chuyên sâu.

7. Chính quyền số

a) Kết quả đạt được

*** Cung cấp dịch vụ công trực tuyến:** Hoàn thành bổ sung, cập nhật các tính năng của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia; Cơ sở dữ liệu dân cư, xác thực định danh điện tử; Phần mềm dịch vụ công liên thông; Hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ Chính phủ (EMC).

Tính đến thời điểm hiện tại, số TTHC có hiệu lực áp dụng trên địa bàn tỉnh là 2.195 TTHC (*trong đó: thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh 1.854 TTHC, thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã 341 TTHC*). Hiện nay Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh đang cung cấp 2.080 DVCTT, đạt 94,76% (*trong đó DVCTT toàn trình là 1.015, trong đó DVCTT một phần là 1.065*). Các DVCTT của tỉnh được tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia phục vụ người dân và doanh nghiệp thực hiện các thủ tục hành chính.

Kênh số 1022 Tuyên Quang được duy trì hoạt động ổn định để hỗ trợ người dân tra cứu TTHC, theo dõi tiến độ giải quyết hồ sơ, nhận thông báo về kết quả giải quyết TTHC cũng như tăng sự tương tác giữa chính quyền và người dân; tiếp nhận, xử lý các phản ánh, kiến nghị;... nâng cao chất lượng quản lý nhà nước và công tác chỉ đạo điều hành các cấp.

*** Ứng dụng, dịch vụ nội bộ:** Các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục sử dụng hiệu quả các hệ thống dùng chung của tỉnh để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành. Các hệ thống đã được điều chỉnh, cập nhật theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp và hợp nhập tỉnh, đảm bảo hoạt động ổn định, hiệu quả từ ngày 01/7/2025. Một số kết quả cụ thể, như sau:

- Phần mềm Quản lý văn bản và điều hành hoạt động ổn định với khoảng 23.685 tài khoản; tỷ lệ văn bản điện tử được trao đổi qua hệ thống đạt gần 100%.

- Tổng chữ ký số chuyên dùng đã được thay đổi thông tin là 5.154, cấp mới cho 1.019 cho tổ chức và cá nhân trên địa bàn tỉnh; khoảng hơn 9.000 thư điện tử công vụ đã được cấp cho các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức.

- Duy trì hoạt động của 220 điểm cầu⁵ (trong đó có 36 điểm cầu cấp tỉnh phục vụ cho các cơ quan cấp tỉnh ở hai cơ sở I và II; 184 điểm cầu cấp xã – có 60 xã đã được bố trí 02 điểm cầu để thuận tiện trong tổ chức các cuộc họp do trụ sở UBND xã và Đảng ủy xã có khoảng cách xa).

- Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh (IOC) tỉnh Tuyên Quang tiếp tục hoạt động ổn định, hiện nay tỉnh đang tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp kỹ thuật để bảo đảm Trung tâm kết nối liên thông, khai thác hiệu quả thông tin, dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành, phát triển kinh tế - xã hội theo mô hình Chính quyền địa phương 2 cấp.

- Cổng Thông tin điện tử tỉnh tiếp tục hoạt động ổn định, kịp thời cập nhật các thông tin về tình hình kinh tế, chính trị, xã hội của tỉnh⁶.

b) Tồn tại, hạn chế

- Nhiều người dân chưa biết sử dụng máy vi tính, không có điện thoại thông minh hoặc tài khoản ngân hàng, dẫn đến khó khăn trong thao tác và thanh toán trực tuyến khi thực hiện dịch vụ hành chính công.

- Phần lớn công chức, viên chức làm công tác tham mưu về CNTT, chuyển đổi số tại các cơ quan chỉ thực hiện nhiệm vụ phụ trách, kiêm nhiệm nên đôi khi chưa kịp thời chủ động tham mưu thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số, chất

⁵ Từ ngày 01/7/2025 đến nay, hệ thống đã kết nối gần 100 phiên họp phục vụ công tác chỉ đạo điều hành các cấp.

⁶ Từ 01/7/2025 đến nay, Cổng thông tin điện tử tỉnh đã khai thác, biên tập và cập nhật các tin, bài, ảnh, video clip phản ánh sự kiện, hoạt động của tỉnh: 1.350 tin, bài trên Cổng thông tin điện tử tỉnh; Cập nhật Văn bản chỉ đạo, điều hành: 207 văn bản; Cập nhật chuyên mục Hỏi - Đáp: 46 nội dung; Chuyên mục Lấy ý kiến nhân dân vào dự thảo văn bản QPPL và đánh giá tác động môi trường: Đăng tải 52 hồ sơ dự thảo; Phối hợp trả lời công dân: 06 văn bản.

lượng chưa cao.

- Kỹ năng ứng dụng công nghệ số của người dân không đồng đều, vẫn còn bị động khi thực hiện các DVCTT, cần cán bộ hướng dẫn, hỗ trợ.

8. Kinh tế số và Xã hội số

Kinh tế số và xã hội số của tỉnh Tuyên Quang trong năm 2025 tiếp tục phát triển theo hướng thực chất, góp phần thúc đẩy năng suất lao động, đổi mới phương thức sản xuất – kinh doanh, mở rộng không gian phát triển kinh tế và nâng cao chất lượng đời sống người dân, phù hợp mục tiêu Nghị quyết 57-NQ/TW và Nghị quyết 71/NQ-CP.

a) Kết quả đạt được

*** Kinh tế số:**

Các doanh nghiệp Bưu chính (Viettel, Bưu điện tỉnh) đã tập trung triển khai tập huấn và hỗ trợ đưa sản phẩm đặc trưng, sản phẩm OCOP lên sàn Thương mại điện tử. Hoàn thành chỉ tiêu: 100% hộ sản xuất nông nghiệp có tài khoản tham gia sàn Thương mại điện tử được đào tạo, tập huấn; 100% sản phẩm OCOP đăng tải trên sàn thương mại điện tử. Tỉnh đã triển khai mô hình chợ 4.0 với dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt tại các chợ xã, phường, đồng thời áp dụng hóa đơn điện tử cho 100% doanh nghiệp đang hoạt động. Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch điện tử (gồm ví điện tử, tài khoản ngân hàng) đạt tỷ lệ khoảng 85%.

Tỉnh Tuyên Quang đã triển khai quyết liệt Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt giai đoạn 2021-2025. Các dịch vụ ngân hàng số được thúc đẩy phát triển, nhiều tiện ích ngân hàng số hiện đại, tiện lợi, đảm bảo an toàn được giới thiệu tới người dân. Đến nay, các Ngân hàng trên địa bàn tỉnh đang cung cấp trên 1.350.000 tài khoản thanh toán đang hoạt động của khách hàng, trong đó có trên 71.000 tài khoản phục vụ chi trả an sinh xã hội (ASXH); chi trả trợ cấp Bảo hiểm xã hội (BHXH), lương hưu bằng hình thức thanh toán không dùng tiền mặt trên nền CSDLQG về dân cư. Triển khai các giải pháp, mô hình thanh toán không dùng tiền mặt đối với các lĩnh vực: Y tế (thanh toán viện phí)⁷; Giáo dục và Đào tạo (thanh toán học phí)⁸; Thanh toán phí, lệ phí các DVCTT⁹.

Khoảng 296.000 tài khoản Mobile Money, ví điện tử (*do VNPT, Viettel triển khai cung cấp dịch vụ*) đang hoạt động trên địa bàn tỉnh để khách hàng có thể thanh toán các giao dịch trực tuyến một cách dễ dàng, thuận tiện.

⁷ Các Ngân hàng đã kết nối cung cấp các dịch vụ thanh toán tiền khám bệnh, chữa bệnh tại 100% các cơ sở y tế tuyến tỉnh và tuyến huyện bằng các hình thức TTKDTM, HDBank đã ký kết với Sở y tế tỉnh và Công an tỉnh triển khai lắp đặt miễn phí hệ thống Kiosk y tế thông minh tại các cơ sở y tế trên toàn tỉnh, hiện tại các bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh đang xem xét để triển khai.

⁸ Triển khai ký kết cung cấp dịch vụ thanh toán học phí bằng hình thức TTKDTM với 680 trường học, cơ sở giáo dục trên địa bàn với tổng số tiền giao dịch gần 120 tỷ đồng.

⁹ Hiện nay, có 09/09 ngân hàng thương mại trên địa bàn đã thực hiện kết nối để thanh toán phí, lệ phí trên cổng DVC quốc gia, việc thanh toán tương đối dễ dàng và thuận lợi.

Thực hiện Kế hoạch phát triển Thương mại điện tử giai đoạn 2021-2025, tỉnh đã tập trung phát triển thương mại điện tử, các loại hình thương mại dựa trên nền tảng số hóa; xây dựng phần mềm quản lý chương trình khuyến mại và hỗ trợ doanh nghiệp trong tình xúc tiến bán hàng trong thương mại điện tử. Đến nay có 2.613 sản phẩm của 1.070 doanh nghiệp được quảng bá thương hiệu qua sàn thương mại điện tử tỉnh và hàng trăm sản phẩm của địa phương được bày bán trên các sàn thương mại điện tử như Tiki, Lazada, Shopee, Buudien.vn, vipomall,... Qua đó tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động kết nối cung cầu qua môi trường số, hỗ trợ người nông dân và doanh nghiệp tiếp cận thị trường rộng lớn hơn.

Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đã tích cực ứng dụng các nền tảng số và giải pháp chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất và kinh doanh, như: phần mềm quản lý, hóa đơn điện tử, truy xuất nguồn gốc nông sản, nền tảng thanh toán số,... chủ động sử dụng các nền tảng số miễn phí hoặc chi phí thấp để tối ưu vận hành, mở rộng thị trường.

Hiện nay, trên địa bàn xã Lâm Bình có hàng trăm kênh¹⁰ YouTube, TikTok, trong đó có trên 50 kênh đạt lượng người xem lớn (trên 100K người theo dõi), đem lại nguồn thu nhập cao, tạo động lực phát triển kinh tế số trong cộng đồng, một số kênh YouTube điển hình như: Lý Thị Ca, Kỹ năng nguyên thủy, Triệu Thị Thuỷ, Trieu Mai Huong, Lưu Linh building new life, Hoàng Thị Bình - live with nature, Lý Phúc An, Highland Boy, Chúc Thị Dương, Lý Tiểu Hà, Bac_wandering boy,...). Các kênh YouTube trên địa bàn xã sản xuất các nội dung về đời sống, phong tục tập quán, ẩm thực, lao động sản xuất, cảnh quan thiên nhiên của vùng cao Lâm Bình và tiếp cận được với hàng triệu lượt người xem, đăng ký kênh ở nhiều nước trên thế giới.

*** Xã hội số:**

Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn triển khai xây dựng, phát triển hạ tầng mạng lưới, cung cấp dịch vụ mạng di động 4G/5G¹¹, đường truyền Internet tốc độ cao để thúc đẩy, tăng tỷ lệ sử dụng điện thoại thông minh của người dân; đẩy mạnh thanh toán điện tử, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn toàn tỉnh.

Trên địa bàn toàn tỉnh có 472 điểm cung cấp dịch vụ bưu chính¹², đảm bảo

¹⁰ Năm 2024 tổng doanh thu của các kênh YouTube, TikTok là 41.592,62 triệu đồng, số tiền thuế nộp ngân sách là 965,73 triệu đồng (thuế GTGT phải nộp là 134,88 triệu đồng; thuế TNCN phải nộp là 830,85 triệu đồng). Năm 2025 (lý kế đến tháng 11) tổng doanh thu của các kênh YouTube, TikTok là 31.388,68 triệu đồng, số tiền thuế nộp ngân sách là 701,06 triệu đồng (thuế GTGT phải nộp là 116,85 triệu đồng, thuế TNCN phải nộp là 584,20 triệu đồng).

¹¹ Thực hiện công tác cắt sóng các trạm 2G theo lộ trình; trạm 3G đang giảm dần nhằm thực hiện quá trình chuyển băng tần của 2G, 3G cho 4G, 5G để thúc đẩy thực hiện mục tiêu trong Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

¹² Gồm: 287 điểm bưu điện văn hóa xã và 185 Bưu cục (cấp 1, 2, 3), Đại lý và các loại hình cung cấp dịch vụ bưu chính, chuyển phát khác.

100% các xã, phường trên toàn tỉnh có điểm phục vụ bưu chính công cộng; 100% các điểm phục vụ bưu chính công cộng có kết nối Internet băng rộng cố định; 100% các xã có thư báo đến trong ngày.

Tiếp tục phát huy vai trò Tổ công nghệ số cộng đồng cấp xã, cấp thôn trên địa bàn tỉnh trong công tác tuyên truyền, hỗ trợ, giải đáp vướng mắc kịp thời cho cán bộ và người dân trong thực hiện các TTHC, dịch vụ công trực tuyến.

VNPT Tuyên Quang và Viettel Tuyên Quang triển khai các nền tảng số phục vụ chính quyền điện tử, đô thị thông minh và các dịch vụ số cho người dân, doanh nghiệp; đồng thời phối hợp hỗ trợ các sở, ngành, địa phương đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số toàn diện. Ngoài ra một số doanh nghiệp dịch vụ công ích đã áp dụng chữ ký số, hóa đơn điện tử, phần mềm quản trị nguồn lực, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, tính minh bạch và chất lượng phục vụ.

Lĩnh vực Y tế: Tiếp tục thực hiện khám chữa bệnh BHYT bằng CCCD gắn chip/Căn cước, ứng dụng VNeID thực hiện khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế trên địa bàn toàn tỉnh¹³; các cơ khám chữa bệnh tiếp tục triển khai thực hiện khai báo lưu trú cho người bệnh điều trị nội trú tại các đơn vị trên cổng DVC Bộ Công an, bằng ứng dụng VNeID hoặc trên phần mềm ASM đạt: 5.596 lượt. Tiếp tục triển khai Sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID (kết quả dữ liệu liên thông lên Cổng giám định của BHXH Việt Nam lũy kế đến ngày 12/9/2025 (theo số liệu thống kê của Bộ Công an): Sổ sức khỏe điện tử được tích hợp trên VNeID: 498.412; Giấy chuyển tuyến: 11.575; Giấy hẹn khám lại: 7.398). Bên cạnh đó, Sở Y tế đã triển khai thực hiện Chương trình triển khai miễn phí giải pháp Kiosk y tế thông minh do ngân hàng HD bank tài trợ (hiện tại đã triển khai tại 12 đơn vị trực thuộc Sở Y tế).

Lĩnh vực Giáo dục: Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp tục chỉ đạo triển khai nhiệm vụ trên phạm vi toàn tỉnh đối với học bạ số cấp tiểu học, tiến tới việc tích hợp Học bạ số trên ứng dụng VNeID ngay sau khi Bộ Công an hoàn thiện giải pháp: 279/279 trường; thực hiện triển khai thí điểm đối với 50/75 các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo; 23 trường trung học cơ sở từ năm học 2024-2025.

Lĩnh vực Xây dựng: Tiếp tục thực hiện đồng bộ, chia sẻ dữ liệu giữa CSDLQG về DC với cơ sở dữ liệu đăng kiểm phương tiện; triển khai nhiệm vụ định danh tàu thuyền¹⁴; triển khai giải pháp định danh địa điểm, đánh số nhà theo Thông tư số 08/2024/TT-BXD của Bộ Xây dựng¹⁵. Kiểm tra sử dụng thông

¹³ Tính đến nay, đã có 378/378 cơ sở khám chữa bệnh triển khai khám chữa bệnh BHYT bằng CCCD gắn chip/Căn cước (đạt 100%) với mức độ tra cứu thành công: 179.681/190.793, đạt 94,18% lượt tra cứu thông tin thẻ BHYT bằng CCCD phục vụ làm thủ tục khám chữa bệnh BHYT.

¹⁴ Hoàn thành tổng hợp toàn bộ danh sách các phương tiện thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, báo cáo Cục Hàng hải và Đường thủy nội địa Việt Nam theo quy định.

¹⁵ Quản lý và thực hiện việc cập nhật thông tin, dữ liệu về đánh số và gắn biển số nhà tại các khu vực đô thị, khu vực nông thôn, dự án đầu tư xây dựng nhà ở, đầu tư xây dựng khu đô thị, khu công nghiệp để quản lý và rà soát việc đồng bộ với cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh.

tin Giấy phép lái xe đã được tích hợp trên VNeID trong xử phạt giao thông: đã kiểm tra lập biên bản 89 trường hợp, phạt tiền 206.300.000 đồng, trừ điểm 35 giấy phép lái xe.

Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường: Tiếp tục triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh, trong đó trọng tâm là xây dựng hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xây dựng CSDL địa chính cho 81/124 xã, phường (*có những xã chưa phủ trùm theo địa giới hành chính mới*); còn 43 đơn vị hành chính cấp xã chưa được triển khai thực hiện.

Lĩnh vực Thuế: Đẩy mạnh giải pháp thu thuế khoán, hộ kinh doanh cá thể, đặc biệt là cửa hàng bán lẻ, hàng ăn và triển khai hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền nhằm chống thất thu thuế. Tiếp tục triển khai Ứng dụng thuế điện tử trên thiết bị di động dành cho cá nhân (eTax Mobile); triển khai hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền.

Bên cạnh đó, tỉnh đã thực hiện cấp đổi thẻ Đảng viên trên nền tảng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, định danh và xác thực điện tử (tính đến ngày 15/9/2025 toàn tỉnh đã thu nhận tổng số 124.493 hồ sơ cấp đổi Thẻ đảng viên; đã được cấp 118.976 Thẻ đảng viên); thực hiện cấp Phiếu lý lịch tư pháp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID (trong kỳ báo cáo, Công an tỉnh tiếp nhận tiếp nhận 633 yêu cầu, tỷ lệ tiếp nhận qua VNeID đạt 95,89%).

Duy trì các kênh tiếp nhận và giải quyết phản ánh, kiến nghị, phản ánh hiện trường của người dân như: Ứng dụng Chính quyền số tỉnh Tuyên Quang, Cổng thông tin điện tử tỉnh, Kênh số 1022 Tuyên Quang,... góp phần thúc đẩy sự tham gia của người dân trong việc giải quyết các vấn đề của địa phương.

b) Tồn tại, hạn chế

- Kinh tế số có phạm vi rộng, liên quan nhiều ngành nghề, lĩnh vực, thuộc nhiều cơ quan, đơn vị, trong khi công cụ giám sát, thu thập số liệu, đo lường giá trị tăng thêm của kinh tế số trong các ngành, lĩnh vực và trong GRDP của tỉnh còn gặp khó khăn, thách thức.

- Về người dân và khả năng tiếp cận dịch vụ công trực tuyến: Nhiều người dân chưa biết sử dụng máy vi tính, không có điện thoại thông minh hoặc tài khoản ngân hàng, dẫn đến khó khăn trong thao tác và thanh toán trực tuyến khi thực hiện dịch vụ hành chính công.

9. Công tác tuyên truyền, truyền thông về chuyển đổi số

9.1. Ngày Chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được

Hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia, tỉnh Tuyên Quang đã ban hành Kế hoạch Tổ chức các hoạt động hướng tới Ngày chuyển đổi số năm 2025. Các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi đã được các cơ quan, đơn vị, địa phương trên

địa bàn tỉnh hưởng ứng, thực hiện, như: Phát động Cuộc thi trực tuyến “Tìm hiểu về Chuyển đổi số và Nghị quyết số 57-NQ/TW”; triển khai các chiến dịch truyền thông; triển khai Ngày hội toàn dân học tập số; Hội chợ số; tổ chức bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số;...

b) *Tồn tại, hạn chế*: Không.

9.2. Chia sẻ bài toán, sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số

a) *Kết quả đạt được*:

- Sau khi hợp nhất tỉnh, tỉnh đã đẩy mạnh hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng để tiếp tục thực hiện "cầm tay chỉ việc", hỗ trợ, giải đáp vướng mắc kịp thời cho cán bộ và người dân tại cơ sở; hướng dẫn các thành viên Tổ Công nghệ số cộng đồng phối hợp với Tổ hướng dẫn dịch vụ công trực tuyến của Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã hướng dẫn nghiệp vụ gửi hồ sơ trực tuyến cho tình nguyện viên để hỗ trợ tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ trực tuyến trên địa bàn tỉnh.

- Sở Nội vụ đã triển khai thực hiện kế hoạch hỗ trợ đoàn viên, thanh niên và các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện nhiệm vụ, hoạt động tình nguyện, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả dịch vụ công trực tuyến tại 124 xã, phường trên địa bàn tỉnh nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính phục vụ nhân dân trên địa bàn tỉnh.

- Tỉnh đoàn Tuyên Quang đã triển khai các hoạt động của 144 Tổ thanh niên xung kích hỗ trợ chuyển đổi số, thực hiện đợt cao điểm đoàn viên, thanh niên tình nguyện tham gia hỗ trợ chính quyền địa phương 02 cấp, như: Hỗ trợ, hướng dẫn người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt và kết nối các sản phẩm của địa phương với thị trường số; hướng dẫn người dân Livestream bán hàng trực tuyến các sản phẩm đặc trưng của địa phương trên các sàn thương mại điện tử, các kênh mạng xã hội.

- Hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2025, tỉnh Tuyên Quang đã phát động Cuộc thi trực tuyến “Tìm hiểu về Chuyển đổi số và Nghị quyết số 57-NQ/TW” nhằm tuyên truyền, phổ biến sâu rộng chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và của tỉnh về chuyển đổi số, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đồng thời nâng cao nhận thức, kỹ năng ứng dụng công nghệ số trong cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân. Bên cạnh đó, tỉnh đã triển khai phong trào *Ngày hội toàn dân học tập số* kết hợp tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức cấp xã và người dân tại một số xã trên địa bàn tỉnh, như: Minh Thanh, Thành Tín, Giáp Trung; Hội chợ số tại xã Vĩnh Tuy;... Đồng thời đẩy mạnh triển khai các chiến dịch truyền thông về các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2025 trên phạm vi toàn tỉnh.

b) *Tồn tại, hạn chế:* Không.

9.3. Công tác truyền thông về chuyển đổi số

a) *Kết quả đạt được:*

Công tác truyền thông về chuyển đổi số được đẩy mạnh qua nhiều hình thức phong phú, gắn với chủ đề năm 2025: “*Chuyển đổi số toàn dân, toàn diện, toàn trình để tăng tốc, bứt phá phát triển kinh tế số*”, như: Xây dựng video clip tuyên truyền với tiêu đề “*Thời điểm vàng chuyển đổi số*” đăng trên Cổng thông tin điện tử Đảng bộ tỉnh, thu hút 10.768 lượt xem; Tuyên truyền bằng Infographic đảm bảo trực quan, dễ hiểu, dễ phổ biến đến cơ sở; Các cơ quan báo chí, truyền thông và Cổng thông tin điện tử của tỉnh đã đăng tải gần 1.000 tin, bài, phóng sự, infographic phản ánh quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 57-NQ/TW nói chung và chuyển đổi số nói riêng. Trong đó: Cổng thông tin điện tử Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang đã mở chuyên mục “*Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*”; Báo Tuyên Quang (báo in) đã tổ chức chuyên trang “*Chuyển đổi số*”, Báo Tuyên Quang online mở chuyên mục “*Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*”; Báo và Phát thanh, truyền hình tỉnh mở chuyên mục “*Chuyển đổi số*” (thứ 7 hằng tuần), chuyên mục phát thanh (thứ 2 hàng tuần), chuyên đề “*Chuyển động số*”,...

b) *Tồn tại, hạn chế:*

Công tác tuyên truyền, phổ biến về chuyển đổi số chưa thật sự đồng đều và sâu rộng, một số địa phương, đơn vị chưa chủ động, còn mang tính hình thức trong tuyên truyền.

10. Kết quả, tiến độ thực hiện các nhiệm vụ ưu tiên chuyển đổi số năm 2025

10.1. Trước thời điểm họp nhất tỉnh (trước ngày 30/6/2025)

Tỉnh Tuyên Quang (cũ) thực hiện Kế hoạch số 60/KH-UBND ngày 26/3/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Chuyển đổi số năm 2025 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (có Tổng số **61** nhiệm vụ). Kết quả thực hiện đến hết tháng 6/2025: Hoàn thành 25 nhiệm vụ; Đang thực hiện 18 nhiệm vụ; Tạm dừng 10 nhiệm vụ¹⁶; chưa thực hiện 08 nhiệm vụ¹⁷.

Trước thời điểm họp nhất tỉnh, tỉnh Hà Giang (cũ) thực hiện Kế hoạch số 224/KH-UBND ngày 21/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chuyển đổi số tỉnh Hà Giang năm 2025, kết quả đến hết tháng 6/2025: Tỉnh tiếp tục duy trì các hệ thống dùng chung của tỉnh (thuê dịch vụ công nghệ thông tin hàng

¹⁶ Tạm dừng do thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp và họp nhất tỉnh; chờ hướng dẫn thêm của Bộ, ngành trung ương hoặc sẽ thực hiện theo hệ thống dùng chung của các Bộ, ngành triển khai thực hiện từ trung ương đến địa phương.

¹⁷ Phải điều chỉnh lại phạm vi thực hiện do thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp và họp nhất tỉnh và do chưa được cấp kinh phí thực hiện.

năm, giai đoạn hoặc các hệ thống đã triển khai từ trước) đảm bảo duy trì hoạt động ổn định phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành¹⁸. Đối với các nhiệm vụ dự kiến triển khai mới trong năm 2025, tạm dừng thực hiện để ưu tiên tập trung thực hiện triển khai mô hình chính quyền địa phương 2 cấp và hợp nhất tỉnh.

Để phục vụ công tác sắp xếp, tổ chức mô hình chính quyền địa phương hai cấp và thực hiện hợp nhất đơn vị hành chính tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang, Sở Khoa học và Công nghệ đã tham mưu Ban Chỉ đạo hợp nhất hai tỉnh Tuyên Quang và Hà Giang chỉ đạo tổ chức lại hạ tầng viễn thông và công nghệ thông tin đảm bảo hoạt động thông suốt, không bị gián đoạn, đáp ứng yêu cầu thực tế. Bám sát các nhiệm vụ đã đề ra tại Kế hoạch số 129/KH-UBND ngày 27/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về Tổ chức triển khai các nền tảng, hệ thống thông tin quan trọng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.

10.2. Sau hợp nhất tỉnh (từ ngày 01/7/2025)

Tỉnh Tuyên Quang (mới) tiếp tục kế thừa các nhiệm vụ ưu tiên thực hiện chuyển đổi số trong năm 2025 tại Kế hoạch số 60/KH-UBND ngày 26/3/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang (cũ) để tiếp tục triển khai thực hiện. Kết quả thực hiện đến hết tháng 11/2025: Hoàn thành 36 nhiệm vụ (chiếm 59%); Tạm dừng 25 nhiệm vụ¹⁹ (chiếm 40,9%).

(Chi tiết tại **Phụ lục 02** kèm theo).

Bên cạnh đó, Sở Khoa học và Công nghệ đã phối hợp với các Sở, ban, ngành trong tỉnh, nghiên cứu, thống nhất phương án, giải pháp kỹ thuật đối với việc lựa chọn các hệ thống thông tin, phần mềm của ngành, lĩnh vực, tham mưu, báo cáo, đề xuất UBND tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh sau hợp nhất tỉnh và sắp xếp tổ chức lại đơn vị hành chính. Hiện nay, các Sở, ban, ngành đang tiếp tục tham mưu triển khai thực hiện phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

11. Kinh phí thực hiện

Tổng kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2025 là: **74.591,544** triệu đồng, trong đó:

- Nguồn kinh phí sự nghiệp (tỉnh Tuyên Quang trước hợp nhất): 46.910 triệu đồng; Nguồn xã hội hóa (tỉnh Tuyên Quang trước hợp nhất): 1.608 triệu

¹⁸ Gồm: Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh; nền tảng chia sẻ tích hợp dữ liệu (LGSP) của tỉnh; mạng Truyền số liệu chuyên dùng trong các cơ quan Đảng và Nhà nước; Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến Vmeeting; Phần mềm Quản lý văn bản và điều hành Ioffice; Phần mềm Hệ thống thông tin giải quyết TTHC; Cổng, Trang thông tin điện tử tỉnh; Hệ thống thư điện tử công vụ; Cổng dữ liệu dùng chung của tỉnh; Ứng dụng Công dân số tỉnh Hà Giang (App Công dân số Hà Giang); Hệ thống thông tin nguồn tỉnh Hà Giang;...

¹⁹ Tạm dừng thực hiện trong năm 2025 do thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp và hợp nhất tỉnh (có thay đổi về quy mô, phạm vi, dự toán kinh phí thực hiện vì vậy cần phải rà soát, chỉnh sửa lại trước khi trình cấp có thẩm quyền xem xét, bổ sung kinh phí thực hiện); chờ hướng dẫn thêm của Bộ, ngành trung ương hoặc sẽ thực hiện theo hệ thống dùng chung của các Bộ, ngành triển khai thực hiện từ trung ương đến địa phương.

đồng; Nguồn kinh phí khác (tỉnh Tuyên Quang trước hợp nhất): 8.939 triệu đồng; Nguồn kinh phí sự nghiệp bổ sung thêm²⁰: 5.348,852 triệu đồng.

- Nguồn kinh phí sự nghiệp (tỉnh Hà Giang trước hợp nhất): 51.045,330 triệu đồng;

- Nguồn kinh phí sự nghiệp (sau hợp nhất tỉnh): 7.650,662 triệu đồng²¹.

Ngoài ra, UBND tỉnh Tuyên Quang đã phê duyệt danh mục 14 nhiệm vụ chuyển đổi số²² thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW đăng ký nhu cầu vốn Trung ương, giai đoạn 2025 - 2026 của tỉnh Tuyên Quang. Tổng kinh phí (dự kiến) là: **113,322** tỷ đồng. Trong đó, năm 2025 dự kiến kinh phí: 50,412 tỷ đồng; Năm 2026 dự kiến kinh phí: 62,910 tỷ đồng.

Phần II

NỘI DUNG KẾ HOẠCH NĂM 2026

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 20/10/2025 của Chính phủ Quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;

- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 411/QĐ-TTg, ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

²⁰ Quyết định số 294/QĐ-UBND ngày 21/6/2025 của UBND tỉnh; Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 18/6/2025 của UBND tỉnh;

²¹ Quyết định số 197/QĐ-SKHCN ngày 06/10/2025 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Tuyên Quang.

²² Quyết định số 640/QĐ-UBND ngày 11/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt danh mục nhiệm vụ chuyển đổi số thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW đăng ký nhu cầu vốn Trung ương, giai đoạn 2025 - 2026 của tỉnh Tuyên Quang.

- Chương trình phát triển Chính phủ số giai đoạn 2025-2030, định hướng đến năm 2035;

- Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2030, định hướng đến năm 2035;

- Nghị quyết số 45-NQ/TU ngày 18/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về nâng cao chất lượng công tác cải cách hành chính gắn với đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đáp ứng yêu cầu đổi mới, giai đoạn 2025 – 2030;

- Quyết định số 800/QĐ-UBND ngày 07/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang Ban hành Khung kiến trúc Chính quyền số tỉnh Tuyên Quang, phiên bản 4.0;

- Quyết định số 1371/QĐ-UBND ngày 26/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt Chiến lược dữ liệu tỉnh Tuyên Quang đến năm 2030;

- Kế hoạch số 24-KH/TU ngày 11/8/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị và Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW ngày 02/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về hành động chiến lược triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số *(sau đây gọi tắt là Kế hoạch số 24)*;

- Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 11/8/2025 của UBND tỉnh Thực hiện Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang *(sau đây gọi tắt là Kế hoạch số 29)*;

- Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 04/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh (IOC) tỉnh Tuyên Quang bảo đảm kết nối liên thông, khai thác hiệu quả thông tin, dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành, phát triển kinh tế - xã hội *(sau đây gọi tắt là Kế hoạch số 58)*;

- Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 10/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang, Thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ và Kế hoạch số 24-KH/TU ngày 11/8/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị Quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia *(sau đây gọi tắt là Kế hoạch số 63)*;

- Kế hoạch số 158/KH-UBND ngày 30/12/2025 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TU, ngày 18/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về nâng cao chất lượng công tác cải cách hành chính gắn với đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa

bàn tỉnh Tuyên Quang đáp ứng yêu cầu đổi mới, giai đoạn 2025 - 2030.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Xây dựng và triển khai đồng bộ kiến trúc hệ thống, nền tảng dùng chung trong toàn bộ hệ thống chính trị, xuyên suốt từ Trung ương đến địa phương; bảo đảm kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu thông suốt bảo đảm đồng bộ, thống nhất toàn hệ thống chính trị, thực hiện các mục tiêu của Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị.

- Xây dựng và phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số của tỉnh công khai, minh bạch, hiệu quả; đưa hoạt động quản lý, điều hành của các cơ quan, địa phương lên môi trường số, dựa trên dữ liệu; cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, không phụ thuộc địa giới hành chính, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, góp phần đột phá trong cải cách hành chính và nâng cao chất lượng quản trị công.

- Phát triển hạ tầng số, nền tảng số thống nhất, ưu tiên ứng dụng công nghệ điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn; bảo đảm liên thông, tái sử dụng về mặt dữ liệu, an toàn, bảo mật thông tin và an ninh mạng. Tập trung xây dựng, kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu của các ngành, lĩnh vực với Trung tâm giám sát điều hành thông minh tỉnh (IOC) phục vụ chỉ đạo điều hành các cấp.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

Thực hiện chuyển đổi số trên 03 trụ cột chính: Chính quyền số, Kinh tế số, Xã hội số, với **24 chỉ tiêu** Trong đó:

- Chỉ tiêu về phát triển Chính quyền số: **15** chỉ tiêu.
- Chỉ tiêu về phát triển Kinh tế số: **03** chỉ tiêu.
- Chỉ tiêu về phát triển Xã hội số: **06** chỉ tiêu.

(Chi tiết các chỉ tiêu cụ thể và phân công cơ quan theo dõi, đánh giá, chủ trì thực hiện tại Phụ lục 03 kèm theo).

III. NHIỆM VỤ

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

- Tăng cường quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TU ngày 18/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Kế hoạch số 158/KH-UBND ngày 30/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về nâng cao chất lượng cải cách hành chính gắn với phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Thực hiện nghiêm quy định trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trực tiếp phụ trách, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số; đưa kết quả

chuyển đổi số vào tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

- Ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số theo Nghị quyết số 57-NQ/TW và các văn bản chỉ đạo có liên quan của cấp có thẩm quyền; thực hiện lồng ghép các nhiệm vụ chuyển đổi số theo Nghị quyết số 57-NQ/TW vào các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Xây dựng nền tảng số, công cụ số để thực hiện đo lường trực tuyến mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số; định kỳ đánh giá, công bố mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số của cơ quan Nhà nước, người đứng đầu và cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan Nhà nước; kết quả thực hiện chuyển đổi số là tiêu chí đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ, đánh giá thi đua, khen thưởng hằng năm.

- Xây dựng và triển khai Chương trình hành động của UBND tỉnh về đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data) trong quản lý nhà nước, phát triển kinh tế xã hội và Xã hội số, giai đoạn 2026-2030.

2. Hoàn thiện thể chế số

- Rà soát, ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số theo Nghị quyết số 57-NQ/TW và các quy định có liên quan; lồng ghép mục tiêu, chỉ tiêu chuyển đổi số vào các quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Kịp thời tháo gỡ các vướng mắc về thể chế trong triển khai chuyển đổi số; đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách về phát triển hạ tầng số, dữ liệu số, nền tảng số và chính quyền số.

- Căn cứ hướng dẫn của các bộ, ngành trung ương, rà soát, triển khai các cơ chế, chính sách hỗ trợ hình thành và phát triển doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn; hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, kinh doanh, thương mại điện tử, thanh toán số;...

- Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ, rà soát, sửa đổi và triển khai bộ tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số của các cơ quan cấp tỉnh, cấp xã.

3. Phát triển hạ tầng số

Đẩy mạnh phát triển hạ tầng số của tỉnh Tuyên Quang theo Kế hoạch số 110/KH-UBND ngày 07/11/2025 về phát triển hạ tầng số tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2025 – 2030 đáp ứng yêu cầu thực tế, đảm bảo kết nối, an toàn, bền vững, đồng thời ưu tiên tập trung vào các nội dung sau:

3.1. Hạ tầng viễn thông và Internet

- Đầu tư, mở rộng vùng phủ sóng 4G, 5G trên địa bàn tỉnh, đặc biệt tại các

khu vực tập trung đông dân cư và các khu, cụm công nghiệp, khu du lịch; từng bước triển khai phổ cập điện thoại di động thông minh tại các khu tập trung đông dân cư, cơ quan, trường học, bệnh viện, đảm bảo kết nối, liên thông toàn tỉnh, đặc biệt khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Triển khai nền tảng Internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (blockchain) phục vụ công tác đảm bảo quốc phòng, an ninh và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

3.2. Hạ tầng dữ liệu

- Tiếp tục nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh trở thành trung tâm hạ tầng số dùng chung hiện đại, an toàn, linh hoạt, đáp ứng yêu cầu quản trị, điều hành, phân tích dữ liệu và chia sẻ thông tin trong toàn tỉnh.

- Nâng cấp, mở rộng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và nền tảng dùng chung, đảm bảo đồng bộ, kết nối liên thông từ cấp tỉnh đến cấp xã, phục vụ hiệu quả chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực; ưu tiên sử dụng công nghệ điện toán đám mây.

3.3. Hạ tầng vật lý

- Triển khai, hoàn thiện Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh (IOC) tỉnh Tuyên Quang bảo đảm kết nối liên thông, khai thác hiệu quả thông tin, dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tuân thủ Kiến trúc Chính quyền số tỉnh Tuyên Quang.

- Triển khai hệ thống camera giám sát; được kết nối, chia sẻ, tích hợp về Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) tỉnh.

3.4. Hạ tầng tiện ích số và công nghệ số như dịch vụ

- Tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách về hợp tác công tư trong phát triển hạ tầng số hiện đại, công nghệ số chiến lược, đầu tư, mua, thuê các sản phẩm, dịch vụ số; thực hiện lồng ghép các nội dung phát triển hạ tầng số vào quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Phát triển hạ tầng tiện ích số và công nghệ số như dịch vụ cho các hoạt động của chuyển đổi số của tỉnh, trọng tâm là các nền tảng số dùng chung cho nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội, phục vụ các hoạt động thiết yếu của xã hội trên môi trường số.

4. Phát triển Nhân lực số

- Thường xuyên rà soát chính sách hỗ trợ nguồn nhân lực về chuyển đổi số, bảo đảm an toàn, an ninh mạng làm việc tại các cơ quan Nhà nước; thu hút các chuyên gia, nhà khoa học, kỹ sư công nghệ hàng đầu về làm việc tại tỉnh.

- Ưu tiên bố trí kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách, phụ trách về chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị, địa phương đi học tập, bồi dưỡng ngắn hạn trong nước và nước ngoài.

- Xây dựng và tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số của tỉnh, trong đó có đội ngũ cán bộ quản lý và cán bộ tham mưu về chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang. Hiện đại hoá phương thức đào tạo và ứng dụng công nghệ tiên tiến, nhất là trí tuệ nhân tạo.

- Triển khai phong trào "*Bình dân học vụ số*" thường xuyên, liên tục cho mọi đối tượng, bằng nhiều hình thức khác nhau trong phạm vi toàn tỉnh để phổ cập và nâng cao kiến thức khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và kỹ năng công nghệ số cho người dân.

- Duy trì hoạt động hiệu quả của Tổ công nghệ số cộng đồng các cấp, phát huy vai trò là "*cánh tay nối dài*" của Chính quyền số, thực hiện nhiệm vụ tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số cơ bản cho người dân địa phương trên địa bàn tỉnh.

- Xác định nhu cầu, lĩnh vực chuyên môn, ngành nghề cần thu hút nhân lực chất lượng cao (đặc biệt trong đổi mới sáng tạo, khoa học công nghệ, chuyển đổi số); tham mưu thu hút, kết nối đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, kỹ sư công nghệ hàng đầu trong và ngoài tỉnh đến năm 2030 đạt hiệu quả.

5. Phát triển Dữ liệu số

Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện theo Quyết định số 1371/QĐ-UBND ngày 26/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt Chiến lược dữ liệu tỉnh Tuyên Quang đến năm 2030, đồng thời tập trung thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Tạo dựng hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; kết nối, khai thác và chia sẻ hiệu quả dữ liệu, gồm các ngành: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Giao thông, Công Thương, Y tế; Giáo dục và Đào tạo,...

- Kết nối, chia sẻ, liên thông dữ liệu giữa các sở, ngành, địa phương với các cơ sở dữ liệu quốc gia và các bộ, ngành Trung ương, đặc biệt là các cơ sở dữ liệu: Dân cư, Đất đai, Giáo dục, Y tế...; thực hiện kết nối qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) của tỉnh, bảo đảm liên thông dữ liệu hai chiều và đồng bộ thời gian thực.

- Phát triển danh mục dữ liệu dùng chung và danh mục dữ liệu mở của tỉnh; khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp, người dân khai thác, sử dụng dữ liệu mở để sáng tạo sản phẩm, dịch vụ số mới, phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số của tỉnh.

- Tiếp tục đẩy mạnh số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định, phục vụ tái sử dụng thông tin, dữ liệu.

6. Đảm bảo an toàn thông tin mạng

- Triển khai các giải pháp giám sát, đảm bảo an toàn thông tin 4 lớp cho các hệ thống thông tin tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh.

- Từng bước xây dựng Trung tâm an ninh mạng tỉnh Tuyên Quang đảm bảo yêu cầu xử lý, ứng cứu các sự cố an ninh mạng ở mọi cấp độ; xây dựng, thành lập các Tổ ứng cứu sự cố chuyên trách; chú trọng tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ chuyên trách ứng cứu sự cố, đảm bảo đáp ứng yêu cầu công tác.

- Tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ chuyên trách ứng cứu sự cố, đảm bảo đáp ứng yêu cầu công tác.

- Phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan chuyên trách về an toàn thông tin, công an, quân sự, viễn thông và các doanh nghiệp công nghệ trong công tác phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm an ninh mạng, tội phạm công nghệ cao.

- Đưa nội dung đảm bảo an toàn thông tin vào các chương trình bồi dưỡng, tập huấn về kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức, người dân; từng bước xây dựng cộng đồng số an toàn, tin cậy và bền vững.

7. Phát triển Chính quyền số

- Tiếp tục triển khai nâng cấp, mở rộng và duy trì hoạt động ổn định các hệ thống dùng chung của tỉnh phục vụ công tác chỉ đạo điều hành từ cấp tỉnh tới cấp xã, như: Phần mềm Quản lý văn bản và điều hành công việc; Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh; Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh; Hệ thống thư điện tử công vụ tỉnh; Cổng thông tin điện tử tỉnh;... đáp ứng các yêu cầu thực tế.

- Thực hiện nâng cấp, hoàn thiện Trung tâm Giám sát, Điều hành thông minh (IOC) cấp tỉnh; mở rộng tích hợp dữ liệu, hình thành nền tảng điều hành dựa trên dữ liệu nhằm tăng hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

- Nâng cấp, mở rộng và bổ sung chức năng báo cáo công tác cải cách hành chính, phục vụ công tác theo dõi, đánh giá, tổng hợp số liệu và hỗ trợ công tác chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, giám sát việc thực hiện cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh vào phần mềm quản lý chấm điểm xác định chỉ số cải cách hành chính các cấp tỉnh Tuyên Quang.

- Nâng cấp, mở rộng Phần mềm đánh giá, xếp loại chất lượng chất lượng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường; tập thể lãnh đạo, quản lý các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường và cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền đánh giá, xếp loại của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hằng tháng, quý, năm trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- Thuê dịch vụ công nghệ thông tin để quản lý cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tỉnh Tuyên Quang năm 2026; giai đoạn 2026-2030.

- Xây dựng Phần mềm Quản lý tài liệu Lưu trữ số; Chuyển đổi, tạo lập cơ sở

dữ liệu Lưu trữ số; triển khai Đề án Quản lý và xử lý nghiệp vụ tài liệu lưu trữ của cơ quan, tổ chức cấp huyện sau sắp xếp tổ chức bộ máy tỉnh Tuyên Quang.

- Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, bảo đảm dịch vụ công đủ điều kiện được cung cấp toàn trình, tích hợp, đồng bộ lên Cổng dịch vụ công quốc gia; mở rộng cung cấp dịch vụ công phi địa giới hành chính.

- Đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm quy trình không cần thiết; ứng dụng công nghệ số để tự động hóa quy trình, rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ; mở rộng cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, phi địa giới hành chính.

- Ứng dụng công nghệ số để tự động hoá quy trình, giảm thời gian xử lý hồ sơ, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến; tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp công nghệ tiếp cận đất đai, vốn, nhân lực.

- Từng bước triển khai các nền tảng số thông minh, ứng dụng AL, IoT, Big, Data,... trong các ngành, lĩnh vực: Du lịch, nông nghiệp, sản xuất, logistics, thương mại điện tử, giáo dục, y tế, đô thị, môi trường,...

- Xây dựng và triển khai Đề án Chuyển đổi số, y tế số thông minh giai đoạn 2025-2030 của ngành Y tế tỉnh Tuyên Quang.

- Bố trí đủ nguồn lực để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số đã đề ra theo kế hoạch; ưu tiên các nhiệm vụ chuyển đổi số giải quyết vấn đề cấp thiết trong các ngành, lĩnh vực của đời sống xã hội.

8. Phát triển Kinh tế số và Xã hội số

- Tăng cường thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt, mở rộng triển khai tài khoản định danh điện tử, ví số cá nhân, hóa đơn điện tử,...; khuyến khích các ngân hàng, tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh phát triển, triển khai các dịch vụ tài chính số an toàn.

- Thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số toàn diện, chuyển đổi mô hình quản lý, sản xuất, kinh doanh dựa trên nền tảng số; hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng phần mềm quản trị, thương mại điện tử, hóa đơn điện tử, hợp đồng điện tử, chữ ký số, thanh toán số; ứng dụng các nền tảng trí tuệ nhân tạo (AI),... trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử của tỉnh, các loại hình thương mại dựa trên nền tảng số hóa. Triển khai các giải pháp hỗ trợ các hộ kinh doanh, hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa đưa sản phẩm lên các sàn thương mại điện tử như Tiki, Lazada, Shopee, Buudien.vn, vipomall,... tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động kết nối cung cầu qua môi trường số, hỗ trợ người nông dân và doanh nghiệp tiếp cận thị trường rộng lớn hơn.

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả “Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030”.

- Phát triển mạnh các dịch vụ số trong lĩnh vực thiết yếu như y tế, giáo dục, bảo hiểm, du lịch, giao thông, nông nghiệp, văn hóa; đẩy mạnh triển khai các mô hình bệnh viện số, trường học số, du lịch thông minh, nông nghiệp thông minh.

- Thông qua hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng, hỗ trợ người dân tiếp cận, sử dụng nền tảng số, dịch vụ số; khuyến khích người dân giao dịch, mua sắm, thanh toán, tiếp cận dịch vụ y tế, giáo dục, du lịch;... trên không gian mạng.

- Xây dựng cộng đồng công dân số, thúc đẩy phổ cập kỹ năng số, văn hóa số trong xã hội; khuyến khích người dân chủ động học tập, sáng tạo và tham gia tích cực vào quá trình chuyển đổi số.

9. Nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông và các giải pháp khác đẩy mạnh chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin

- Tổ chức thường xuyên các chiến dịch truyền thông, tuyên truyền sâu rộng về chuyển đổi số trên các phương tiện truyền thông đại chúng, nền tảng mạng xã hội và hệ thống truyền thanh, truyền hình cơ sở; lồng ghép nội dung chuyển đổi số vào các chương trình, phong trào thi đua, hoạt động của đoàn thể, tổ chức chính trị – xã hội.

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo, lớp tập huấn, tọa đàm, cuộc thi trực tuyến, các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia,... góp phần lan tỏa nhận thức và hình thành văn hóa số trong cộng đồng.

- Tăng cường tuyên truyền về an toàn, an ninh mạng, phòng chống lừa đảo trực tuyến, bảo vệ dữ liệu cá nhân; phổ biến kỹ năng tự bảo vệ thông tin cá nhân trong môi trường số.

- Khuyến khích doanh nghiệp, đoàn thể, cơ sở giáo dục, cơ quan báo chí và tổ chức xã hội lan tỏa văn hóa số, chuyển đổi số và cách sử dụng công nghệ an toàn, lành mạnh.

IV. GIẢI PHÁP

1. Phát huy, nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành chuyển đổi số

- Kịp thời kiện toàn Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh Tuyên Quang; các Tổ công tác; điều chỉnh, bổ sung Quy chế làm việc, phân công nhiệm vụ các thành viên, Chương trình công tác năm của Ban Chỉ đạo.

- Thực hiện đánh giá định kỳ kết quả thực hiện chuyển đổi số; gắn kết quá trình triển khai với trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Phát huy vai trò của Sở Khoa học và Công nghệ trong tham mưu, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ về chuyển đổi số của tỉnh.

- Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh trong triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số của tỉnh.

2. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, bồi dưỡng kỹ năng số cho CBCC, người dân, doanh nghiệp

- Đẩy mạnh công tác truyền thông sâu rộng về nội dung chuyển đổi số dưới nhiều hình thức: Thông qua báo chí, phát thanh, truyền hình, các nền tảng số, mạng xã hội và các phương tiện điện tử khác; cụ thể hóa nội dung tuyên truyền cho từng nhóm đối tượng người dân, doanh nghiệp, chính quyền các cấp;...

- Duy trì chuyên mục “Chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang” trên Báo, Phát thanh truyền hình, Cổng thông tin điện tử của tỉnh; thường xuyên cập nhật kết quả, mô hình, sáng kiến chuyển đổi số tiêu biểu.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các chương trình tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức kiến thức về kỹ năng số, công nghệ số, kỹ năng khai thác dữ liệu và sử dụng dịch vụ số.

- Ứng dụng nền tảng đào tạo trực tuyến mở đại trà để tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng cung cấp miễn phí kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng công nghệ số cho người dân, doanh nghiệp.

- Phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng trong hỗ trợ trực tiếp người dân cài đặt, sử dụng các ứng dụng số, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt ,... theo hướng "*cầm tay chỉ việc*".

3. Phát triển, thu hút nguồn nhân lực chuyển đổi số

- Xây dựng, triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhân lực chuyển đổi số theo hướng chuyên sâu, thực chất; chú trọng đào tạo tại chỗ gắn với nhu cầu của từng lĩnh vực, từng cấp chính quyền.

- Xây dựng và tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng nguồn nhân chuyển đổi số của tỉnh; tích hợp, lồng ghép nội dung chuyển đổi số trong chương trình đào tạo chính quy, bồi dưỡng cán bộ, công chức chuyên trách chuyển đổi số các cấp trên địa bàn tỉnh về quản lý đầu tư công nghệ thông tin; kỹ năng vận hành cơ sở dữ liệu phục vụ chuyển đổi số; các chuyên đề về trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, kết nối internet vạn vật IoT;

- Liên kết với doanh nghiệp công nghệ, tổ chức quốc tế để triển khai các dự án, hội thảo, tập huấn về kỹ năng số theo chuyên đề.

- Hằng năm bố trí kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc lĩnh vực chuyển đổi số đi học tập, bồi dưỡng ngắn hạn trong nước và nước ngoài. Hiện đại hoá phương thức đào tạo và ứng dụng công nghệ tiên tiến, nhất là trí tuệ nhân tạo.

- Phát triển, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, an toàn thông tin, khoa học dữ liệu, quản lý dữ liệu và trí tuệ nhân tạo;... phục vụ chuyển đổi số.

4. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

- Tăng cường hợp tác chuyển đổi số với các viện nghiên cứu, trường đại học, các tỉnh trung du và miền núi phía Bắc, các địa phương trong nước, quốc gia có trình độ khoa học và công nghệ, chuyển đổi số phát triển; phối hợp phát triển hạ tầng số, logistics, liên kết chuỗi giá trị, chia sẻ kinh nghiệm chuyển đổi số.

- Tổ chức hội nghị, hội thảo về chuyển đổi số; tham gia các diễn đàn, hội thảo, hội nghị kết nối giữa nhà nước - doanh nghiệp - viện nghiên cứu - nhà khoa học - về chuyển đổi số.

- Nghiên cứu, hợp tác tổ chức các chương trình, dự án ứng dụng công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (Blockchain), Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (Big Data), điện toán đám mây (Cloud Computing);... phục vụ quản lý, điều hành và sản xuất kinh doanh.

5. Đảm bảo nguồn lực tài chính

- Bố trí, sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính cho chuyển đổi số, ưu tiên cho hạ tầng số, nền tảng dùng chung, dữ liệu số, an toàn thông tin và đào tạo nhân lực số; tăng tỷ lệ chi ngân sách cho chuyển đổi số; kết hợp nguồn vốn Trung ương hỗ trợ, ngân sách địa phương và huy động xã hội hóa.

- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số bao gồm: ngân sách nhà nước; nguồn đầu tư của doanh nghiệp, khu vực tư nhân, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

- Huy động các nguồn lực thực hiện chuyển đổi số, lồng ghép nguồn lực từ các chương trình, đề án có liên quan, nguồn đầu tư của doanh nghiệp, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Huy động nguồn lực từ khu vực tư nhân thông qua các chính sách khuyến khích, thu hút doanh nghiệp công nghệ số đầu tư phát triển chuyển đổi số.

6. Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức nghiên cứu trong nước và quốc tế

- Đẩy mạnh hợp tác chiến lược với các tập đoàn công nghệ, doanh nghiệp viễn thông lớn (VNPT, Viettel, FPT, MobiFone...) trong triển khai các nền tảng số, dịch vụ số và phát triển hạ tầng dữ liệu.

- Tăng cường liên kết, phối hợp với các tỉnh/thành phố trong việc chia sẻ dữ liệu, phát triển hạ tầng số; nền tảng số;...

- Tổ chức hội nghị, diễn đàn xúc tiến đầu tư, hợp tác trong lĩnh vực chuyển đổi số, cũng như lĩnh vực đổi mới sáng tạo, khoa học và công nghệ.

- Mở rộng hợp tác với các viện nghiên cứu, trường đại học trong nước và nước ngoài nghiên cứu, triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong phát triển hạ tầng số, nền tảng số, đào tạo và phát triển nhân lực số;...

- Khuyến khích doanh nghiệp của tỉnh liên kết, hợp tác với các tổ chức quốc tế, doanh nghiệp nước ngoài để tiếp nhận tri thức, chuyển giao công nghệ

và mô hình quản trị số tiên tiến.

(Chi tiết tại Phụ lục 04 kèm theo)

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Tổng kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2026 là: **775.628** triệu đồng, trong đó:

- Nguồn kinh phí sự nghiệp: 237.154 triệu đồng;
- Vốn đầu tư: 531.639 triệu đồng
- Nguồn vốn khác: 6.836 triệu đồng.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan duy trì hiệu quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; ưu tiên đầu tư, ứng dụng công nghệ số để nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

- Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, quản lý, vận hành, khai thác hiệu quả các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, nền tảng số phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; đảm bảo hạ tầng kỹ thuật, an toàn thông tin và tính sẵn sàng kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống.

- Phối hợp triển khai Trung tâm Giám sát, Điều hành thông minh (IOC), từng bước mở rộng tích hợp, phân tích dữ liệu phục vụ công tác quản lý, giám sát hoạt động chính quyền và cung cấp dịch vụ số cho người dân, doanh nghiệp.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch; phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức có liên quan triển khai đồng bộ, hiệu quả các nội dung về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Sở Tài chính lập dự toán kinh phí về chuyển đổi số, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện Kế hoạch đảm bảo hiệu quả, đúng tiến độ, theo quy định.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách, chương trình, kế hoạch thúc đẩy chuyển đổi số; phát triển giao dịch điện tử, hạ tầng số, dữ liệu số, nhân lực số, thương mại điện tử;...

- Theo dõi, đánh giá, sơ kết, tổng kết tình hình thực hiện Kế hoạch hằng năm; định kỳ báo cáo kết quả, đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc

trong quá trình triển khai thực hiện.

- Tiếp tục triển khai, hướng dẫn việc kết nối, chia sẻ thông tin và dữ liệu giữa các hệ thống thông tin dùng chung, chuyên ngành trong nội bộ tỉnh thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu dùng chung (LGSP); bảo đảm liên thông với nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) và các cơ sở dữ liệu của bộ, ngành Trung ương.

3. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí, cân đối và ưu tiên nguồn ngân sách địa phương để thực hiện các nhiệm vụ, dự án phát triển hạ tầng số, dữ liệu số, chính quyền số, đô thị thông minh và các hoạt động chuyển đổi số theo nội dung Kế hoạch.

- Hướng dẫn, thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số, đảm bảo đúng quy định, đúng mục tiêu, trọng tâm, trọng điểm; khuyến khích áp dụng hình thức thuê dịch vụ CNTT, điện toán đám mây, nền tảng số thay cho đầu tư phần cứng truyền thống.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan trong việc tư vấn, hướng dẫn đăng ký, thành lập doanh nghiệp công nghệ số; hỗ trợ triển khai các chính sách ưu đãi về thuế, tín dụng, đầu tư nhằm khuyến khích doanh nghiệp tham gia cung cấp, phát triển dịch vụ số.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành cơ chế huy động các nguồn lực xã hội hóa, hợp tác công tư (PPP) trong phát triển hạ tầng số, Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh, Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh (IOC) tỉnh, và các nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số tại địa phương.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai các dự án chuyển đổi số, đảm bảo đúng tiến độ, hiệu quả, công khai, minh bạch trong quản lý và sử dụng kinh phí.

4. Sở Nội vụ

- Chủ trì tổ chức phát động và duy trì hiệu quả Kế hoạch triển khai thực hiện phong trào thi đua "Cả nước thi đua đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số" trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2025-2030; tham mưu đề xuất khen thưởng, tôn vinh kịp thời các tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến trong triển khai chuyển đổi số, đặc biệt là người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương có sáng kiến, giải pháp hiệu quả.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu, tổ chức triển khai hiệu quả Nghị quyết số 45-NQ/TU và Kế hoạch số 158/KH-UBND; phát huy trách nhiệm người đứng đầu; tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện, bảo đảm chuyển đổi số được triển khai đồng bộ, hiệu quả, đúng tiến độ.

- Chủ trì xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hằng năm; tích hợp nội dung về chuyển đổi số, kỹ năng số, an toàn thông tin, dữ liệu số và chính quyền số vào các chương trình đào tạo, bồi dưỡng.

- Tham mưu bổ sung, cập nhật các nội dung, tiêu chí về chuyển đổi số vào Bộ tiêu chí chấm điểm cải cách hành chính; theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện và gắn với công tác đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì triển khai chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo, đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực tư duy sáng tạo, kỹ năng số, kỹ năng học tập suốt đời cho học sinh, sinh viên.

- Tổ chức thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, trong đó xác định giáo dục là lĩnh vực đột phá; ưu tiên xây dựng hệ thống dữ liệu và quản trị giáo dục số dùng chung; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong dạy học và quản lý; đồng thời phát triển năng lực số cho đội ngũ nhà giáo và người học, góp phần hình thành nguồn nhân lực chất lượng cao của tỉnh.

- Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục phổ thông tích hợp kỹ năng số và an toàn thông tin theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số trong giảng dạy, quản lý và kiểm tra, đánh giá; xây dựng kho học liệu điện tử, thư viện số, lớp học trực tuyến; khuyến khích hình thành mô hình trường học thông minh, lớp học thông minh.

- Bồi dưỡng năng lực số, kỹ năng dạy học trực tuyến cho cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh; triển khai nền tảng đào tạo, thi trực tuyến, quản lý hồ sơ học sinh – giáo viên điện tử.

- Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Đề án “Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022–2025, định hướng đến năm 2030” (Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ) phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

6. Sở Y tế

- Chủ trì thực hiện chuyển đổi số ngành y tế, triển khai đồng bộ bệnh án điện tử, bệnh viện thông minh, trạm y tế số; xây dựng hệ thống quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử của người dân toàn tỉnh.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong khám, chữa bệnh từ xa, hội chẩn trực tuyến, quản lý thuốc, thiết bị y tế, thanh toán viện phí không dùng tiền mặt.

- Tổ chức triển khai Dự án “Chuyển đổi số, Y tế thông minh tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2025–2030” với mục tiêu hình thành hệ thống y tế số hiện đại, lấy người dân làm trung tâm; đáp ứng các tiêu chí của Bộ Y tế về ứng dụng

CNTT trong cơ sở khám chữa bệnh.

- Tăng cường phối hợp với Bộ Y tế, Bảo hiểm xã hội Việt Nam và các đơn vị liên quan trong việc kết nối, chia sẻ dữ liệu y tế quốc gia, hướng tới xây dựng hệ sinh thái y tế số toàn diện.

7. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Tiếp tục triển khai, quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu đất đai, tài nguyên môi trường, vùng trồng, vùng nuôi và các bản đồ số phục vụ quản lý, quy hoạch, truy xuất nguồn gốc nông sản.

- Ứng dụng CNTT và hệ thống thông tin địa lý xây dựng hệ thống thông tin hỗ trợ quản lý, khai thác giá đất trên địa bàn thành phố phục vụ công tác quản lý nhà nước về đất đai.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, tự động hóa, dữ liệu lớn trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản; phát triển nông nghiệp thông minh, nông nghiệp chính xác, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, an toàn thực phẩm.

- Tăng cường chuyển đổi số trong quản lý thủy lợi, đê điều, chăn nuôi, thú y, kiểm lâm, hướng tới hình thành hệ thống quản trị số toàn ngành nông nghiệp - môi trường.

8. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch; triển khai hệ thống Du lịch thông minh tỉnh Tuyên Quang và các nền tảng quảng bá, kết nối doanh nghiệp – du khách trực tuyến.

- Xây dựng bản đồ số du lịch, cơ sở dữ liệu di tích, lễ hội, danh thắng, tài nguyên du lịch, gắn kết với Cổng du lịch thông minh quốc gia.

- Xây dựng, vận hành Thư viện số tỉnh Tuyên Quang, bảo đảm lưu trữ, khai thác hiệu quả tài nguyên số hóa; từng bước chuyển đổi sang mô hình thư viện thông minh, bảo tàng số.

- Tăng cường tổ chức các sự kiện, hoạt động thể thao, văn hóa số, livestream quảng bá du lịch, đưa các sản phẩm đặc trưng của tỉnh lên nền tảng thương mại điện tử và truyền thông số.

9. Sở Tư pháp

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực tư pháp; phát triển các cơ sở dữ liệu số thuộc phạm vi quản lý của ngành Tư pháp, như: hộ tịch; công chứng chứng thực,...

- Kết nối, chia sẻ dữ liệu của ngành Tư pháp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác theo hướng dẫn của Trung ương, Bộ Tư pháp để cắt giảm thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu.

10. Công an tỉnh

- Chủ trì, tham mưu thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước về an ninh mạng; đảm bảo an ninh mạng, an ninh thông tin mạng, an ninh dữ liệu, bảo vệ bí mật nhà nước trên không gian mạng tại địa phương theo quy định của pháp luật.

- Tiếp tục kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử với các cơ sở dữ liệu của tỉnh; hỗ trợ triển khai nền tảng định danh công dân số (VneID) phục vụ giao dịch điện tử, dịch vụ công trực tuyến.

- Tham mưu tổ chức diễn tập, phòng, chống tấn công mạng; điều phối hoạt động của đội ứng cứu, xử lý sự cố an toàn thông tin mạng tỉnh Tuyên Quang; tham mưu xây dựng và triển khai Đề án thành lập Trung tâm An ninh mạng tỉnh Tuyên Quang.

- Chỉ đạo lực lượng triển khai đồng bộ các biện pháp nghiệp vụ, chủ động phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn, xử lý nghiêm hành vi lợi dụng công nghệ cao, không gian mạng vi phạm pháp luật, góp phần kiến tạo, xây dựng môi trường mạng an toàn cho người dân, doanh nghiệp”.

11. Các sở, ban, ngành; đơn vị; Ủy ban nhân dân cấp xã

- Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường trên cơ sở kế hoạch này, chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện và khái toán kinh phí để triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình; UBND các xã, phường ưu tiên ngân sách nhà nước để triển khai các nhiệm vụ, chương trình, dự án về chuyển đổi số tại địa phương mình.

- Người đứng đầu cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm toàn diện trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện chuyển đổi số, gắn với cải cách hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Chủ động thực hiện các nhiệm vụ, dự án được giao tại Phụ lục của Kế hoạch; bảo đảm tính đồng bộ, hiệu quả, phù hợp với Khung kiến trúc Chính quyền số tỉnh tỉnh Tuyên Quang, phiên bản 4.0.

- Lồng ghép, cập nhật các nội dung chuyển đổi số của Bộ, ngành chủ quản vào kế hoạch của cơ quan, đơn vị; tăng cường sử dụng các hệ thống, phần mềm dùng chung của tỉnh.

- Thực hiện chia sẻ dữ liệu chuyên ngành về Kho dữ liệu dùng chung tỉnh, cung cấp dữ liệu mở theo quy định; bảo đảm kết nối qua trục LGSP tỉnh, đồng bộ với nền tảng quốc gia.

- Thực hiện chế độ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch (qua Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp): Báo cáo Quý I (trước ngày 10/3/2026), Báo cáo 6 tháng (trước ngày 15/6/2026), Báo cáo quý III (trước ngày 10/9/2026), Báo cáo năm 2026 (trước ngày 10/12/2026); thực hiện các báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc vấn đề phát sinh cần điều chỉnh, bổ sung; các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tìm phương án giải quyết, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

12. Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh Tuyên Quang; Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền và ngành chức năng trong tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, nhân dân tích cực tham gia chuyển đổi số, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thương mại điện tử, thanh toán không tiền mặt.

- Khuyến khích các tổ chức, hiệp hội, doanh nghiệp tham gia đóng góp ý tưởng, sáng kiến, mô hình, giải pháp chuyển đổi số phục vụ phát triển cộng đồng.

- Phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội trong quá trình triển khai các chính sách, dự án chuyển đổi số của tỉnh.

13. Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh và các cơ quan truyền thông, báo chí trên địa bàn tỉnh

- Tăng cường truyền thông, tuyên truyền sâu rộng về chuyển đổi số trên các phương tiện báo chí, truyền hình, mạng xã hội, cổng thông tin điện tử.

- Duy trì, mở rộng chuyên trang – chuyên mục “Chuyển đổi số Tuyên Quang”; phổ biến điển hình tiên tiến, mô hình hay, cách làm hiệu quả trong chuyển đổi số ở các cấp, ngành, địa phương.

- Tôn vinh, lan tỏa các câu chuyện thành công, các sản phẩm số, dịch vụ số tiêu biểu, góp phần nâng cao nhận thức xã hội và thúc đẩy hình thành văn hóa số trong cộng đồng.

Trên đây là Kế hoạch chuyển đổi số năm 2026 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo chất lượng, tiến độ. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp) để xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Hiệp hội DN tỉnh, Hội Doanh nhân trẻ;
- Lưu: VT, KH&CĐS

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vương Ngọc Hà

Phụ lục 01:
DANH SÁCH
CÁC VĂN BẢN CHỈ ĐẠO LIÊN QUAN ĐẾN CHUYỂN ĐỔI SỐ
(Sau hợp nhất tính từ ngày 01/7/2025)

I. Các Chương trình, Quyết định, Kế hoạch do Tỉnh ủy ban hành

1. Quyết định số 119-QĐ/TU ngày 01/7/2025 Thành lập Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang.
2. Quyết định số 15-QĐ/TU ngày 17/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ làm việc, quan hệ công tác của Ban Chỉ đạo tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (KH, CN, ĐMST và CDS) tỉnh Tuyên Quang.
3. Quy định số 18-QĐ/TU ngày 25/8/2025 Quy định mã định danh của các cơ quan Đảng tỉnh Tuyên Quang trên mạng máy tính.
4. Quy định số 19-QĐ/TU ngày 29/8/2025 về Quản lý, sử dụng phần mềm Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp trong các cơ quan đảng.
5. Kế hoạch số 24-KH/TU ngày 11/8/2025 thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.
6. Kế hoạch số 47-KH/TU ngày 09/9/2025 Triển khai thực hiện Phong trào "Bình dân học vụ số" trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.
7. Kế hoạch số 25-KH/TU ngày 04/11/2025 về chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2025-2028.
8. Kế hoạch số 26-KH/TU ngày 04/11/2025 về chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng tỉnh Tuyên Quang năm 2026.

II. Các Chương trình, Quyết định, Kế hoạch do Ban Chỉ đạo về phát triển KHCN, ĐMST, CDS tỉnh Tuyên Quang ban hành

1. Quyết định số 01-QĐ/BCĐ ngày 28/7/2025 về phân công nhiệm vụ các Ủy viên Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang.
2. Quyết định số 02-QĐ/BCĐ ngày 28/7/2025 Thành lập Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang.
3. Kế hoạch số 01-KH/BCĐ ngày 01/7/2025 Đột phá chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025.
4. Kế hoạch số 02-KH/BCĐ ngày 17/10/2025 kế hoạch hành động trọng tâm cuối năm 2025 của Ban chỉ đạo tỉnh.

III. Các Chương trình, Quyết định, Kế hoạch do UBND tỉnh ban hành

1. Quyết định số 174/QĐ-UBND ngày 14/7/2025 về việc ban hành Kế hoạch Cải cách hành chính tỉnh Tuyên Quang 6 tháng cuối năm 2025.
2. Quyết định số 175/QĐ-UBND ngày 16/7/2025 Thành lập Ban Chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06.
3. Quyết định số 183/QĐ-UBND ngày 16/7/2025 về việc phê duyệt danh sách thành viên và chức năng, nhiệm vụ của Tổ Công tác về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.
4. Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 16/7/2025 về việc phê duyệt danh sách thành viên và chức năng, nhiệm vụ của Tổ Công tác triển khai Đề án 06; cải cách hành chính, chuyển đổi số gắn với Đề án 06.
5. Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 16/7/2025 về việc phê duyệt danh sách thành viên và chức năng, nhiệm vụ của Tổ Công tác Cải cách hành chính.
6. Quyết định số 193/QĐ-UBND ngày 21/7/2025 về việc Ban hành Kế hoạch cải cách thủ tục hành chính trọng tâm 6 tháng cuối năm 2025.
7. Quyết định số 475/QĐ-UBND ngày 18/8/2025 Ban hành bổ sung mã định danh điện tử của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu và trao đổi văn bản điện tử với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu với các bộ, ngành, địa phương.
8. Quyết định số 540/QĐ-UBND ngày 26/8/2025 Ban hành Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến tỉnh Tuyên Quang.
9. Quyết định số 639/QĐ-UBND ngày 11/9/2025 về việc thành lập Tổ công tác liên ngành phân tích dữ liệu phục vụ công tác chỉ đạo điều hành trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.
10. Quyết định số 800/QĐ-UBND ngày 07/10/2025 Ban hành Khung kiến trúc Chính quyền số tỉnh Tuyên Quang, phiên bản 4.0.
11. Quyết định số 805/QĐ-UBND ngày 08/10/2025 Thành lập Ban Tổ chức Cuộc thi trực tuyến tìm hiểu về Chuyển đổi số và Nghị quyết số 57-NQ/TW.
12. Quyết định số 1371/QĐ-UBND ngày 26/11/2025 Phê duyệt Chiến lược dữ liệu tỉnh Tuyên Quang đến năm 2030.
13. Quyết định số 05/2025/QĐ-CTUBND ngày 28/11/2025 Ban hành quy chế cập nhật, quản lý, sử dụng, khai thác cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tỉnh Tuyên Quang.
14. Quyết định số 1418/QĐ-UBND ngày 01/12/2025 Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện phong trào thi đua "Cả nước thi đua đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số" trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2025-2030.

15. Quyết định số 1420/QĐ-UBND ngày 01/12/2025 Ban hành Quy chế Quản lý, vận hành và khai thác dữ liệu dùng chung của Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh (IOC) tỉnh Tuyên Quang.
16. Quyết định số 1458/QĐ-UBND ngày 04/12/2025 Ban hành Danh mục Dữ liệu chủ chuyên ngành, Dữ liệu dùng chung và Dữ liệu mở tỉnh Tuyên Quang.
17. Quyết định số 1371/QĐ-UBND ngày 26/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt Chiến lược dữ liệu tỉnh Tuyên Quang đến năm 2030;
18. Quyết định số 1420/QĐ-UBND ngày 01/12/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang Ban hành Quy chế Quản lý, vận hành và khai thác dữ liệu dùng chung của Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh (IOC) tỉnh Tuyên Quang;
19. Quyết định số 1539/QĐ-UBND ngày 11/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang Phê duyệt Chiến lược Chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang đến năm 2030;
20. Quyết định số 117/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống thư điện tử công vụ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.
21. Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 04/7/2025 về tổ chức Hội nghị tập huấn vận hành Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; vận hành hệ thống Dịch vụ công trực tuyến và ứng dụng AI nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính năm 2025.
22. Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 14/7/2025 về tuyên truyền công tác cải cách hành chính tỉnh Tuyên Quang 6 tháng cuối năm 2025.
23. Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 14/7/2025 về duy trì, cải thiện và nâng cao kết quả Chỉ số cải cách hành chính (PARINDEX), Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công tình (PAPI), Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) tỉnh Tuyên Quang 6 tháng cuối năm 2025;
24. Kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 17/7/2025 Tổ chức triển khai Tổ công nghệ số cộng đồng cấp xã, cấp thôn trên địa bàn tỉnh.
25. Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 31/7/2025 Triển khai thực hiện Đề án 06; cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số gắn với Đề án 06 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đến hết năm 2025.
26. Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 05/8/2025 về kiểm tra Cải cách hành chính gắn với kiểm tra chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ, văn hóa công sở của cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2025 (sau sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính)

27. Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 11/8/2025 Thực hiện Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.
28. Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 04/9/2025 Triển khai Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh (IOC) tỉnh Tuyên Quang bảo đảm kết nối liên thông, khai thác hiệu quả thông tin, dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành, phát triển kinh tế - xã hội.
29. Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 10/9/2025 về thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ và Kế hoạch số 24-KH/TU ngày 11/8/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị Quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.
30. Kế hoạch số 68/KH-UBND ngày 18/9/2025 Ứng phó sự cố bảo đảm an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.
31. Kế hoạch số 77/KH-UBND ngày 28/9/2025 Về việc triển khai thực hiện chiến dịch làm giàu, làm sạch cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.
32. Kế hoạch số 81/KH-UBND ngày 02/10/2025 Tổ chức các hoạt động hướng tới Ngày chuyển đổi số năm 2025.
33. Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 08/10/2025 Triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.
34. Kế hoạch số 83/KH-UBND ngày 08/10/2025 Kiểm tra việc thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2025.
35. Kế hoạch số 98/KH-UBND ngày 31/10/2025 Triển khai thực hiện Quyết định số 3103/QĐ-BTC ngày 05/9/2025 của Bộ Tài chính ban hành Kế hoạch tổng thể triển khai Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 02/01/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án xây dựng và quản lý Hệ thống thông tin và Cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch.
36. Kế hoạch số 110/KH-UBND ngày 07/11/2025 Phát triển hạ tầng số tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2025-2030.

IV. Các Chương trình, Quyết định, Kế hoạch do Ban Chỉ đạo về phát triển KHCN, ĐMST, CDS của UBND tỉnh ban hành

1. Quyết định số 113/QĐ-BCĐ ngày 08/9/2025 của Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06 ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Ban Chỉ đạo về phát

triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06.

2. Kế hoạch số 114/KH-BCĐ ngày 08/9/2025 của Ban Chỉ đạo về Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06, Triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đến hết năm 2025.
3. Kế hoạch số 197/KH-BCĐ ngày 30/10/2025 triển khai Quyết định số 126/QĐ-BCĐ ngày 11/9/2025 của Ban Chỉ đạo Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động năm 2025 và Thông báo Kết luận số 44-TB/TGV ngày 12/9/2025 của Tổ giúp việc của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06

Phụ lục 02:
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ ƯU TIÊN CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG NĂM 2025
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên nhiệm vụ	Số lượng
1	Nhiệm vụ mới	14
2	Nhiệm vụ chuyển tiếp	28
3	Nhiệm vụ thực hiện hàng năm	19
	Tổng cộng	61

Kết quả	61
Hoàn thành	36
Dừng	25

STT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì triển khai	Đơn vị phối hợp	Dự án chuyển tiếp/dự án mới	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư dự kiến (đơn vị: Triệu đồng)				Kết quả	Ghi chú
						Kinh phí sự nghiệp	Vốn đầu tư	Xã hội hóa	Nguồn vốn khác		
	TỔNG CỘNG:					46.910	0	1.608	8.939		
I	CHUYỂN ĐỔI NHẬN THỨC					117,532	0	0	0		
1	Tập huấn nâng cao trình độ về Chuyển đổi số cho các cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ hàng năm	2025					Hoàn thành	

STT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì triển khai	Đơn vị phối hợp	Dự án chuyển tiếp/dự án mới	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư dự kiến (đơn vị: Triệu đồng)				Kết quả	Ghi chú
2	Tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến và các nền tảng dùng chung cho cán bộ, CCVC và người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ hàng năm	2025					Hoàn thành	
3	Tổ chức Đánh giá xếp hạng chuyển đổi số năm 2025 của các sở ban ngành, huyện thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2025					Dừng thực hiện	Đang chờ hướng dẫn của Bộ KHCN về
4	Tổ chức hội nghị, hội thảo về chuyển đổi số; đổi mới sáng tạo; phát triển khoa học công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2025	117,532				Hoàn thành	Hội nghị tập huấn "Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong hỗ trợ công tác chỉ đạo, điều hành, thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức"
II	CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH					2.753	0	0	1.000		

STT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì triển khai	Đơn vị phối hợp	Dự án chuyển tiếp/dự án mới	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư dự kiến (đơn vị: Triệu đồng)				Kết quả	Ghi chú
1	Xây dựng quy chế, quy trình sử dụng Trung tâm tích hợp dữ liệu dùng chung tỉnh Tuyên Quang.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ chuyển tiếp	2025					Hoàn thành	
2	Cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Tuyên Quang, phiên bản 3.0 (Khung kiến trúc Chính quyền số tỉnh Tuyên Quang)	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ chuyển tiếp	2025					Hoàn thành	
3	Thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nội dung nghiên cứu, phát triển công nghệ nền tảng và công nghệ ứng dụng.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ chuyển tiếp	2025				1.000	Hoàn thành	Nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ
4	Triển khai thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2023-2025.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ chuyển tiếp	2025	1.587,8				Hoàn thành	Đã điều chỉnh theo góp ý của Sở NN và PTNT

STT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì triển khai	Đơn vị phối hợp	Dự án chuyển tiếp/dự án mới	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư dự kiến (đơn vị: Triệu đồng)				Kết quả	Ghi chú
5	Đề án Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý tài chính, ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 của Sở Tài chính.	Sở Tài chính	Các đơn vị dự toán trên địa bàn tỉnh	Nhiệm vụ hàng năm	2025	1.165				Hoàn thành	Nguồn kinh phí ngân sách tỉnh
6	Hỗ trợ mô hình, chuyển đổi kinh tế nông nghiệp số.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ chuyển tiếp	2025					Dừng thực hiện	Đang xin kinh phí thực hiện
III	PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG SỐ					1.175	0	0	0		
1	Ngâm hóa hệ thống đường truyền Internet cáp quang.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Các Doanh nghiệp viễn thông. - Các cơ quan, đơn vị liên quan.	Nhiệm vụ hàng năm	2025					Đến nay đã ngâm hóa được 736,605 km cáp quang (Tổng số km cáp quang trên địa bàn tỉnh: 18.181,2 km)	Nguồn vốn xã hội hoá

STT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì triển khai	Đơn vị phối hợp	Dự án chuyển tiếp/dự án mới	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư dự kiến (đơn vị: Triệu đồng)				Kết quả	Ghi chú
2	Xây dựng hạ tầng truyền dẫn kết nối đến 100% thôn, bản trên địa bàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	- Các Doanh nghiệp viễn thông. - Các cơ quan, đơn vị liên quan.	Nhiệm vụ chuyển tiếp	2025					Dùng thực hiện	Nguồn vốn xã hội hoá
3	Duy trì hoạt động hệ thống hội nghị giao ban điện tử tỉnh Tuyên Quang từ cấp tỉnh đến cấp xã.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ hàng năm	2025	1.175				Hoàn thành	Nguồn kinh phí ngân sách tỉnh;
IV	XÂY DỰNG, TRIỂN KHAI NỀN TẢNG VÀ ỨNG DỤNG SỐ DÙNG CHUNG					7.425	0	0	0		
1	Duy trì thuê Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Tuyên Quang, kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ hàng năm	2025	1.426				Hoàn thành	Nguồn kinh phí ngân sách tỉnh

STT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì triển khai	Đơn vị phối hợp	Dự án chuyển tiếp/dự án mới	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư dự kiến (đơn vị: Triệu đồng)				Kết quả	Ghi chú
2	Duy trì Thuê Cổng DVC và Hệ thống thông tin Một cửa điện tử tỉnh Tuyên Quang cung cấp dịch vụ công trực tuyến.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ hàng năm	2025	2.797				Hoàn thành	Nguồn kinh phí ngân sách tỉnh
3	Thuê phần mềm Quản lý văn bản và điều hành công việc trong các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang năm 2024 - 2025	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ hàng năm	2025	2.202				Hoàn thành	Nguồn kinh phí ngân sách tỉnh; thực hiện hàng năm; dự kiến 2600 triệu đồng/năm
4	Thuê phần mềm Quản lý văn bản và điều hành công việc trong các cơ quan khối Đảng tỉnh Tuyên Quang năm 2025	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ hàng năm	2025	800				Hoàn thành	
5	Thuê máy chủ bảo mật để kết nối Cổng dịch vụ công của tỉnh với Cổng dịch vụ công Quốc gia.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ hàng năm	2025	100				Hoàn thành	Nguồn kinh phí ngân sách tỉnh; thực hiện hàng năm; dự kiến 100 triệu đồng/năm

[illegible]

STT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì triển khai	Đơn vị phối hợp	Dự án chuyển tiếp/dự án mới	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư dự kiến (đơn vị: Triệu đồng)				Kết quả	Ghi chú
1.1.1.2	Hệ thống hồ sơ sức khỏe điện tử.	Sở Y tế	<i>Các cơ quan, đơn vị liên quan</i>	<i>Nhiệm vụ chuyển tiếp</i>	2025					Hoàn thành	<i>Nguồn kinh phí ngân sách tỉnh</i>
2	Chỉ đạo triển khai, hoàn thiện Bệnh án điện tử, chuyển đổi số tại các đơn vị: các Bệnh viện tuyến tỉnh, các Bệnh viện đa khoa khu vực huyện, Trung tâm Y tế các huyện, thành phố theo lộ trình thực hiện Thông tư số 46/2018/TT-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ Y tế quy định Hồ sơ Bệnh án điện tử; đáp ứng các tiêu chí được quy định tại Thông tư 54/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ Y tế ban hành Bộ Tiêu chí ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Thanh toán không dùng tiền mặt										
2.1	Triển khai nền tảng Bệnh viện thông minh tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tuyên Quang.	Bệnh viện Đa khoa Tuyên Quang	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ chuyển tiếp	2025	14.800				Hoàn thành	

STT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì triển khai	Đơn vị phối hợp	Dự án chuyển tiếp/dự án mới	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư dự kiến (đơn vị: Triệu đồng)				Kết quả	Ghi chú
2.2	Tiếp tục triển khai nền tảng Bệnh viện thông minh tại Bệnh viện Y Dược cổ truyền tỉnh Tuyên Quang.	Bệnh viện Y Dược cổ truyền	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ chuyển tiếp	2025	5.000				Hoàn thành	Thực hiện theo Quyết định số 603/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của UBND tỉnh Tuyên Quang
2.3	Tiếp tục triển khai nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin triển khai bệnh án điện tử tại Bệnh viện phục hồi chức năng Hương Sen	Bệnh viện phục hồi chức năng Hương Sen	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ chuyển tiếp	2025					Dừng thực hiện	Đang trình xin cấp kinh phí thực hiện
2.4	Nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin triển khai Bệnh án điện tử tại Bệnh viện Phổi.	Bệnh viện Phổi	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2025					Dừng thực hiện	Đang trình xin cấp kinh phí thực hiện
2.5	Triển khai mô hình Bệnh viện thông minh tại Bệnh viện Suối khoáng Mỹ Lâm.	Bệnh viện Suối khoáng Mỹ Lâm	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2025					Dừng thực hiện	Đang trình xin cấp kinh phí thực hiện
2.6	Nâng cấp hệ thống thông tin triển khai Bệnh án điện tử tại Trung tâm Y tế huyện Yên Sơn.	Trung tâm Y tế huyện Yên Sơn	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2025					Dừng thực hiện	Đang trình xin cấp kinh phí thực hiện

STT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì triển khai	Đơn vị phối hợp	Dự án chuyển tiếp/dự án mới	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư dự kiến (đơn vị: Triệu đồng)				Kết quả	Ghi chú
2	Lĩnh vực Tư pháp					0	0	0	0		Nguồn kinh phí ngân sách tỉnh
2.1	Xây dựng Nền tảng phần mềm nghiệp vụ và cơ sở dữ liệu, hệ thống báo cáo chuyên ngành Tư pháp dùng chung cho toàn tỉnh, kết nối với kho DL chung qua trục kết nối LGSP của tỉnh gồm các thành phần nhiệm vụ sau: (có thể phát triển, mở rộng thêm chức năng).										
2.1.1	<i>Thành phần nhiệm vụ: Nâng cấp tích hợp, liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa phần mềm quản lý chứng thực với hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh để xây dựng phân hệ quản lý chứng thực tỉnh Tuyên Quang.</i>	Sở Tư pháp	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ chuyển tiếp	2025					Dùng thực hiện	Bộ Tư pháp sẽ xây dựng và triển khai sử dụng chung toàn quốc
3	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo					2.113	0	1.608	0		Nguồn kinh phí ngân sách tỉnh
3.1	Xây dựng Nền tảng phần mềm nghiệp vụ và dữ liệu, hệ thống báo cáo chuyên ngành Giáo dục và Đào tạo dùng chung cho toàn tỉnh, kết nối với kho DL chung qua trục kết nối LGSP của tỉnh, gồm các thành phần nhiệm vụ sau: (có thể phát triển, mở rộng thêm chức năng).		Các cơ quan, đơn vị liên quan								

STT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì triển khai	Đơn vị phối hợp	Dự án chuyển tiếp/dự án mới	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư dự kiến (đơn vị: Triệu đồng)				Kết quả	Ghi chú
3.1.1	Thành phần nhiệm vụ: Quản lý về tuyển sinh đầu cấp, thi học sinh giỏi các cấp.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ hàng năm	2025	728				Hoàn thành	Duy trì hàng năm
3.1.2	Thành phần nhiệm vụ: Thông tin báo cáo theo thời gian thực từ cơ sở dữ liệu chuyên ngành giáo dục.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ hàng năm	2025	600				Hoàn thành	Duy trì hàng năm
3.2	Thuê hạ tầng duy trì phần mềm quản lý, tổ chức thi tuyển vào lớp 10 THPT và phần mềm tin học thi học sinh giỏi cấp tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ hàng năm	2025	285				Hoàn thành	Duy trì hàng năm
3.3	Thí điểm triển khai phần mềm Khảo thí online	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2025	350				Hoàn thành	Nguồn kinh phí ngân sách tỉnh
3.4	Quản lý điểm số của học sinh (học bạ số ở 100% cấp tiểu học)	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ chuyển tiếp	2025			1.608		Hoàn thành	
3.5	Mua nền tảng quản lý ngân hàng câu hỏi thi	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2025	150				Hoàn thành	Nguồn kinh phí ngân sách tỉnh

STT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì triển khai	Đơn vị phối hợp	Dự án chuyển tiếp/dự án mới	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư dự kiến (đơn vị: Triệu đồng)				Kết quả	Ghi chú
4	Lĩnh vực Tài Nguyên và Môi trường					2.765	0	0	0		Nguồn kinh phí ngân sách tỉnh
4.1	Xây dựng Nền tảng phần mềm nghiệp vụ và cơ sở dữ liệu, hệ thống báo cáo chuyên ngành Tài nguyên và Môi trường dùng chung cho toàn tỉnh, kết nối với kho dữ liệu chung qua trục kết nối LGSP của tỉnh, trên nền tảng bản đồ dùng chung của tỉnh gồm các thành phần nhiệm vụ sau: (có thể phát triển, mở rộng thêm chức năng).										
4.1.1	Thành phần nhiệm vụ: Quản lý CSDL Môi trường tỉnh Tuyên Quang, tích hợp CSDL Môi trường quốc gia (theo yêu cầu của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14).	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ chuyển tiếp	2025					Dừng thực hiện	
4.1.2	Thành phần nhiệm vụ: Quản lý cơ sở dữ liệu giá đất trên địa bàn tỉnh.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ chuyển tiếp	2025					Dừng thực hiện	
4.2	Hệ thống xây dựng, quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Tuyên Quang	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ chuyển tiếp	2025	2.765				Hoàn thành	

STT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì triển khai	Đơn vị phối hợp	Dự án chuyển tiếp/dự án mới	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư dự kiến (đơn vị: Triệu đồng)				Kết quả	Ghi chú
4.3	Nâng cấp Hệ thống mạng nội bộ (LAN) của Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới						Dừng thực hiện	Đang xin kinh phí thực hiện
4.4	Chuẩn hóa, nâng cấp, cập nhật Cơ sở dữ liệu Quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất và Hệ sinh thái tài nguyên và môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới						Dừng thực hiện	
5	Lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch					1.950	0	0	0		Nguồn kinh phí ngân sách tỉnh
5.1	Xây dựng Nền tảng phần mềm nghiệp vụ và cơ sở dữ liệu chuyên ngành Văn Hóa, thể thao và Du lịch dùng chung cho toàn tỉnh, kết nối với kho dữ liệu chung qua trục kết nối LGSP của tỉnh, gồm các thành phần nhiệm vụ sau: (có thể phát triển, mở rộng thêm chức năng).		Các cơ quan, đơn vị liên quan								
	Thành phần nhiệm vụ: Quản lý và số hóa hiện vật bảo tàng lịch sử.	Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ chuyển tiếp	2025					Dừng thực hiện	Đang xin kinh phí thực hiện

STT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì triển khai	Đơn vị phối hợp	Dự án chuyển tiếp/dự án mới	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư dự kiến (đơn vị: Triệu đồng)				Kết quả	Ghi chú
5.2	Thuê Cổng du lịch thông minh tỉnh Tuyên Quang	Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ chuyển tiếp	2025	1.950				Hoàn thành	Theo Nghị quyết số 29-NQ/TU ngày 16/6/2021 của BCH Đảng bộ tỉnh (khóa XVII) về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh
6	Lĩnh vực Dân tộc					0	0	0	7.939		
6.1	Xây dựng trang thông tin Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Tuyên Quang	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ chuyển tiếp	2025				7.939	Hoàn thành	
6.2	Nâng cấp hạ tầng trang thiết bị thông tin của Sở Dân tộc và Tôn giáo	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2025					Dừng thực hiện	

STT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì triển khai	Đơn vị phối hợp	Dự án chuyển tiếp/dự án mới	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư dự kiến (đơn vị: Triệu đồng)				Kết quả	Ghi chú
7	Lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn					2.551	0	0	0		Nguồn kinh phí ngân sách tỉnh
7.1	Xây dựng Nền tảng phần mềm nghiệp vụ và cơ sở dữ liệu, hệ thống báo cáo chuyên ngành Nông nghiệp và phát triển nông thôn dùng chung cho toàn tỉnh, kết nối với kho dữ liệu chung qua trục kết nối LGSP của tỉnh, gồm các thành phần nhiệm vụ sau: (có thể phát triển, mở rộng thêm chức năng).										
7.1.1	<i>Thành phần nhiệm vụ: Điều tra, ứng dụng công nghệ số số hoá, giám sát môi trường vùng nuôi trồng thủy sản tập trung tỉnh Tuyên Quang</i>	Sở Nông nghiệp và Môi trường	<i>Các cơ quan, đơn vị liên quan</i>	<i>Nhiệm vụ chuyển tiếp</i>	2025					Dừng thực hiện	<i>Điều chỉnh tên theo VB góp ý của Sở NN và PTNT</i>
7.1.2	<i>Thành phần nhiệm vụ: Điều tra, xây dựng cơ sở dữ liệu về du lịch nông nghiệp, nông thôn điện tử (WebGIS) phục vụ Chương trình phát triển du lịch nông thôn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang</i>	Sở Nông nghiệp và Môi trường	<i>Các cơ quan, đơn vị liên quan</i>	<i>Nhiệm vụ chuyển tiếp</i>	2025	2.551				Hoàn thành	
8	Lĩnh vực Xây dựng					0	0	0	0		Nguồn kinh phí ngân sách tỉnh

STT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì triển khai	Đơn vị phối hợp	Dự án chuyển tiếp/dự án mới	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư dự kiến (đơn vị: Triệu đồng)				Kết quả	Ghi chú
8.1	Xây dựng Nền tảng phần mềm và cơ sở dữ liệu, hệ thống báo cáo chuyên ngành Xây dựng dùng chung cho toàn tỉnh, kết nối với kho dữ liệu chung qua trục kết nối LGSP của tỉnh, trên nền tảng bản đồ số dùng chung của tỉnh gồm các thành phần nhiệm vụ sau: (có thể phát triển, mở rộng thêm chức năng).										
8.1.1	Thành phần nhiệm vụ: Cơ sở dữ liệu Thông tin quy hoạch.	Sở Xây dựng	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ chuyển tiếp	2025					Dừng thực hiện	Chờ thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng
8.1.2	Thành phần nhiệm vụ: Cơ sở dữ liệu chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng (bao gồm cả chứng chỉ hành nghề kiến trúc) và chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng.	Sở Xây dựng	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ chuyển tiếp	2025					Dừng thực hiện	Chờ thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng
8.1.3	Thành phần nhiệm vụ: CSDL về nhà ở và thị trường bất động sản.	Sở Xây dựng	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ chuyển tiếp	2025					Dừng thực hiện	Chờ thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng
9	Lĩnh vực Thanh tra					1.500	0	0	0		

[illegible]

STT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì triển khai	Đơn vị phối hợp	Dự án chuyển tiếp/dự án mới	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư dự kiến (đơn vị: Triệu đồng)				Kết quả	Ghi chú
11.1.1	Thành phần nhiệm vụ: Tổ chức quản lý đoàn ra, đoàn vào.	Sở Ngoại vụ	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ chuyển tiếp	2025	1.500				Dừng thực hiện	
12	Lĩnh vực Lao động thương binh và xã hội					0	0	0	0		Nguồn kinh phí ngân sách tỉnh
12.1	Đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động, hình thành sàn giao dịch việc làm trực tuyến và xây dựng các cơ sở dữ liệu”, thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ chuyển tiếp	2025					Dừng thực hiện	Nguồn vốn Chương trình MTQG được giao tại Quyết định số 429/QĐ-UBND ngày 01/7/2022 và Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 28/2/2023 của UBND tỉnh (Giai đoạn: 2023-2025:13.750,5 triệu đồng)

[illegible]

STT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì triển khai	Đơn vị phối hợp	Dự án chuyển tiếp/dự án mới	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư dự kiến (đơn vị: Triệu đồng)				Kết quả	Ghi chú
13.1.1	Thành phần nhiệm vụ: Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ XTMM nhằm kết nối hiệu quả với Hệ sinh thái XTMM số: Điều tra, khảo sát, thu thập thông tin cơ sở hạ tầng công nghệ số về hoạt động XTMM, xây dựng cơ sở dữ liệu XTMM số của tỉnh. (Theo Quyết định số 1968/QĐ-TTg ngày 22/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại giai đoạn 2021-2030”)	Sở Công Thương	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ chuyển tiếp	2025					Dừng thực hiện	(Chờ triển khai dùng chung theo hệ thống của Bộ Công thương)
14	Lĩnh vực Quản lý các khu công nghiệp					0	0	0	0		Nguồn kinh phí ngân sách tỉnh

STT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì triển khai	Đơn vị phối hợp	Dự án chuyển tiếp/dự án mới	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư dự kiến (đơn vị: Triệu đồng)				Kết quả	Ghi chú
14.1	Xây dựng Nền tảng phần mềm nghiệp vụ và cơ sở dữ liệu, hệ thống báo cáo chuyên ngành dùng chung Ban Quản lý các khu công nghiệp tích hợp vào kho dữ liệu dùng chung qua trực kế nối LGSP của tỉnh, trên nền tảng bản đồ số dùng chung của tỉnh bao gồm:										
14.1.1	<i>Thành phần nhiệm vụ: Xây dựng hệ thống và CSDL kết nối mạng lưới thiết bị IoT, cảm biến và ứng dụng công nghệ số...).</i>	Ban Quản lý các khu công nghiệp	<i>Các cơ quan, đơn vị liên quan</i>	<i>Nhiệm vụ chuyển tiếp</i>	2025					Dừng thực hiện	
VI	ĐẢM BẢO AN TOÀN, AN NINH MẠNG					3.261	0	0	0		Nguồn kinh phí ngân sách tỉnh
1	Tập huấn, diễn tập ứng cứu sự cố mạng, máy tính tỉnh Tuyên Quang.	Công an tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ hàng năm	2025	135				Hoàn thành	
2	Triển khai giám sát an toàn ANTT 4 lớp cho các hệ thống dùng chung của tỉnh (SOC).	Công an tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ hàng năm	2025	1.130				Hoàn thành	Thuê dịch vụ

STT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì triển khai	Đơn vị phối hợp	Dự án chuyển tiếp/dự án mới	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư dự kiến (đơn vị: Triệu đồng)				Kết quả	Ghi chú
1	Rà soát danh mục cơ sở dữ liệu của Ủy ban nhân dân tỉnh: (bao gồm các nội dung: Tên cơ sở dữ liệu; mục đích, phạm vi, nội dung của từng cơ sở dữ liệu; cơ chế thu thập, cập nhật, nguồn dữ liệu được thu thập của từng cơ sở dữ liệu; liệt kê các hạng mục dữ liệu bao gồm dữ liệu mở và dữ liệu được chia sẻ).	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Sở Khoa học và Công nghệ, các đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2025					Hoàn thành	Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 11/8/2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang Thực hiện Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang
2	Thực hiện các hoạt động quản trị dữ liệu: (bao gồm: (i) Kiểm kê, báo cáo hiện trạng dữ liệu hàng năm và đánh giá chất lượng đối với danh mục dữ liệu; (ii) Đánh giá tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định, về dữ liệu; (iii) Đánh giá chất lượng dữ liệu bao gồm: Tính chính xác, toàn vẹn, đầy đủ, sẵn có, kịp thời, có thể kiểm kê, có giá trị sử dụng và đơn nhất của dữ liệu, dữ liệu bất thường; (iv) Đánh giá về duy trì, vận hành, cập nhật dữ liệu, nhật ký cập nhật, khai thác của dữ liệu).	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Sở Khoa học và Công nghệ, các đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2025					Hoàn thành	

Phụ lục 03:
DANH SÁCH CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2026
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang)

TT	Tên chỉ tiêu	Chỉ tiêu năm 2026	Đến hết năm 2030	Cơ quan chủ trì tham mưu, theo dõi, đánh giá	Ghi chú
I	Chính quyền số				
1	Xếp hạng chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI)	22/34	20/34	Sở Khoa học và Công nghệ	Theo Kế hoạch số 63
2	Tỷ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền.	75%	100%	Văn phòng UBND tỉnh	Theo Kế hoạch số 63
3	Tỷ lệ thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến.	100%	100%	Văn phòng UBND tỉnh	Theo Kế hoạch số 63
4	Tỷ lệ giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”.	75%	100%	Văn phòng UBND tỉnh	Theo Kế hoạch số 63
5	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.	75%	100%	Văn phòng UBND tỉnh	Theo Kế hoạch số 63
6	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.	85%	100%	Văn phòng UBND tỉnh	Theo Kế hoạch số 63
7	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.	70%	85%	Văn phòng UBND tỉnh	Theo Kế hoạch số 63
8	Tỷ lệ hệ thống thông tin của tỉnh được vận hành trên nền tảng điện toán đám mây.	45%	70%	Văn phòng UBND tỉnh	Theo Kế hoạch số 63
9	Tỷ lệ cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa và liên thông với Trung ương.	50%	80%	Văn phòng UBND tỉnh	Theo Kế hoạch số 63
10	Tỷ lệ dữ liệu của các sở, ban, ngành được tích hợp với trực liên thông dữ liệu cấp tỉnh.	60%	85%	Các sở, ban, ngành	Theo Kế hoạch số 63

TT	Tên chỉ tiêu	Chỉ tiêu năm 2026	Đến hết năm 2030	Cơ quan chủ trì tham mưu, theo dõi, đánh giá	Ghi chú
11	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.	92%	100%	Sở Nội vụ	Theo Kế hoạch số 63
12	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp tỉnh được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.	100%	100%	Sở Nội vụ	Theo Kế hoạch số 63
13	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.	85%	100%	Sở Nội vụ	Theo Kế hoạch số 63
14	Tỷ lệ đảng ủy, chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.	65%	90%	Các đảng ủy, chính quyền xã, phường	Theo Kế hoạch số 63
15	Có Trung tâm an ninh mạng cấp tỉnh (hoặc thuê dịch vụ giám sát an toàn thông tin), giám sát, ứng cứu sự cố cho toàn hệ thống.	Có	Có	Công an tỉnh	Theo Kế hoạch số 63
II	Kinh tế số				
16	Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP của tỉnh.	7,71%	24,00%	Sở Khoa học và Công nghệ; Thống kê tỉnh	Theo Kế hoạch số 63
17	Tỷ lệ giao dịch không dùng tiền mặt.	25%	70%	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực 4	Theo Kế hoạch số 63
18	Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.	35%	60%	Sở Khoa học và Công nghệ	Theo Kế hoạch số 63
III	Xã hội số				
19	Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID).	55%	80%	Công an tỉnh	Theo Kế hoạch số 63
20	Tỷ lệ người dân có chữ ký số.	2%	10%	Sở Khoa học và Công nghệ	Theo Kế hoạch số 63
21	Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn.	30%	99%	Sở Khoa học và Công nghệ	Theo Kế hoạch số 63
22	Tỷ lệ phủ sóng viễn thông tại các thôn, tổ dân số trên địa bàn tỉnh.	> 96%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ	Theo Kế hoạch số 63

TT	Tên chỉ tiêu	Chỉ tiêu năm 2026	Đến hết năm 2030	Cơ quan chủ trì tham mưu, theo dõi, đánh giá	Ghi chú
23	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gbps/s.	> 60%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ	Theo Kế hoạch số 63
24	Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.	90%	Đáp ứng	Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Xây Dựng; Bảo hiểm xã hội tỉnh Tuyên Quang	Theo Kế hoạch số 63

Phụ lục 04:
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ ƯU TIÊN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG NĂM 2026
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / / của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì triển khai	Đơn vị phối hợp	Dự án chuyển tiếp/dự án mới	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm dự kiến	Tổng mức đầu tư dự kiến (đơn vị: Triệu đồng)					Ghi chú
							Tổng cộng	Kinh phí sự nghiệp	Vốn đầu tư	Xã hội hóa	Nguồn vốn khác	
	TỔNG CỘNG:						775.628	237.154	531.639	0	6.836	
I	CHUYỂN ĐỔI NHẬN THỨC						12.960	12.960	0	0	0	
1	Tập huấn bồi dưỡng nâng cao năng lực sử dụng AI nâng cao hiệu suất công việc cho Cán bộ CNTT chuyên trách Chuyển đổi số và các cán bộ chủ chốt tại các Sở ban ngành, xã phường trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ hằng năm	2026	Hội nghị tập huấn; các lớp đào tạo; cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo	6.280	6.280,0				
1.1	Chương trình đào tạo trí tuệ nhân tạo, khoa học dữ liệu và quản trị vận hành hạ tầng công nghệ thông tin cho kỹ sư CNTT				Quý III		2.300	2.300,0				
1.2	Chương trình đào tạo ứng dụng trí tuệ nhân tạo nâng cao hiệu suất cho cán bộ khối văn phòng, văn hóa, xã hội				Quý III		1.990	1.990				
1.3	Chương trình đào tạo ứng dụng trí tuệ nhân tạo nâng cao hiệu suất công việc cho cán bộ khối tài chính, quản lý đất đai, hạ tầng, dự án				Quý IV		1.990	1.990				
2	Tổ chức đánh giá mức độ xây dựng chính quyền số đối với các cơ quan cấp tỉnh và UBND các xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Nhiệm vụ hằng năm	Quý II	Quyết định phê duyệt Kết quả đánh giá	0	0	0	0	0	

3	Thực hiện Công tác Chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Nhiệm vụ mới	Thường xuyên	Tham gia hội thảo, tập huấn, ... Kiểm tra tình hình thực hiện	200	200				
4	Triển khai thi hành Luật Công nghiệp Công nghệ số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Nhiệm vụ mới	Thường xuyên	Triển khai hội thảo, tập huấn, ... Kiểm tra tình hình thực hiện	200	200				
II	CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH						0	0	0	0	0	
1	Rà soát, sửa đổi và triển khai bộ tiêu chí đánh giá mức độ chuyển đổi số của các cơ quan cấp tỉnh, cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Nhiệm vụ mới	Quý I	Quyết định ban hành Bộ tiêu chí						
2	Tham mưu ban hành Quyết định Ban hành Bộ chỉ số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành trên môi trường điện tử tỉnh Tuyên Quang	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Nhiệm vụ mới	Quý II năm 2026	Quyết định ban hành Bộ chỉ số						
3	Xây dựng và triển khai Chương trình hành động của UBND tỉnh về đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data) trong quản lý nhà nước, phát triển kinh tế xã hội và Xã hội số, giai đoạn 2025-2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Nhiệm vụ mới	Quý I; thường xuyên	Chương trình hành động						
4	Tham mưu ban hành Chỉ số giám sát của Trung tâm IOC tỉnh để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành trực tuyến và dựa trên dữ liệu theo yêu cầu cụ thể của địa phương	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	Quý II	Bộ chỉ số						
5	Tham mưu ban hành Quy định về hình thức, các kênh tương tác để tiếp nhận, xử lý phản ánh và thông báo kết quả xử lý cho người dân	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	Quý II	Quy định						

III	PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG SỐ, NỀN TẢNG SỐ						636.606	130.974	431.709	0	6.836	
1	Duy trì Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành công việc trong các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ chuyển tiếp	Thường xuyên	Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành công việc trong các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang	4.500	4.500				
2	Duy trì thuê Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Tuyên Quang, kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ chuyển tiếp	Thường xuyên	Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Tuyên Quang	2.000	2.000				
3	Duy trì Hệ thống theo dõi nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ chuyển tiếp	Thường xuyên	Hệ thống theo dõi nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao	350	350				
4	Duy trì Hệ thống gửi, nhận tài liệu và quản lý cuộc họp	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ chuyển tiếp	Thường xuyên	Hệ thống gửi, nhận tài liệu và quản lý cuộc họp	500	500				
5	Tổng đài 1022	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ chuyển tiếp	2026	Tổng đài 1022	200	200				
6	Mua sắm trang thiết bị	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ chuyển tiếp	2026	Hệ thống tiếp dân trực tuyến	1.000	1.000				
7	Thực hiện hợp nhất các trung tâm dữ liệu của tỉnh Tuyên Quang (gồm cả Hà Giang cũ) và các sở, ngành có trung tâm dữ liệu phân tán	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính	Các doanh nghiệp; cơ quan, đơn vị, địa phương		Quý III	Trung tâm dữ liệu tỉnh Tuyên Quang được hợp nhất	2.000	2.000				

8	Triển khai hạ tầng hồ sơ bệnh án điện tử, ứng dụng AI	TTYT khu vực Sơn Dương; Sở Y tế	Các sở, ngành, đơn vị, doanh nghiệp liên quan	Nhiệm vụ chuyển tiếp	Quý II	Hoàn thiện hạ tầng hồ sơ bệnh án điện tử, ứng dụng AI, đảm bảo ATTT theo cấp độ, đáp ứng bệnh viện thông minh hiện đại, chất lượng và đáp ứng liên thông dữ liệu. Nhằm nâng cao chất lượng các dịch vụ khám chữa bệnh tại đơn vị	1.300	1.300				
9	Triển khai Bệnh án điện tử hướng đến mô hình bệnh viện thông minh	TTYT khu vực Sơn Dương; Sở Y tế	Các sở, ngành, đơn vị, doanh nghiệp liên quan	Nhiệm vụ chuyển tiếp	Quý II	Nhằm nâng cao chất lượng các dịch vụ khám chữa bệnh tại đơn vị	11.900	11.900				
10	Nâng cấp hạ tầng Công nghệ thông tin và phần mềm LIS để duy trì bệnh án điện tử tại trung tâm y tế khu vực Chiêm Hóa	Trung tâm Y tế khu vực Chiêm Hóa; Sở Y tế	Các sở, ngành, đơn vị, doanh nghiệp liên quan	Nhiệm vụ, dự án chuyển tiếp	Quý II	Nâng cấp hạ tầng Công nghệ thông tin và phần mềm LIS để duy trì bệnh án điện tử tại Trung tâm Y tế khu vực Chiêm Hóa, Nâng cấp phần mềm quản lý HIS, Pacs, EMR... để duy trì bệnh án điện tử tại Trung tâm Y tế khu vực Chiêm Hóa	2.971	259			2.712	

11	Triển khai hệ thống Hồ sơ bệnh án điện tử (EMR) và nâng cấp phần mềm HIS, LIS, PACS	Bệnh viện Mắt Hà Giang	Các sở, ngành, đơn vị, doanh nghiệp liên quan	Nhiệm vụ chuyển tiếp	2026	Hoàn thiện hồ sơ bệnh án điện tử, ứng dụng AI, ATTT theo cấp độ, đáp ứng bệnh viện thông minh hiện đại, chất lượng và đáp ứng liên thông dữ liệu. Nhằm nâng cao chất lượng các dịch vụ khám chữa bệnh tại đơn vị.	2.840	2.339,5	339,5		160,5	
12	Cơ sở hạ tầng triển khai bệnh án điện tử, hướng tới bệnh viện thông minh;	Bệnh viện Phổi Hà Giang	Các sở, ngành, đơn vị, doanh nghiệp liên quan	Nhiệm vụ chuyển tiếp	2026	Hoàn thiện hạ tầng triển khai hồ sơ bệnh án điện tử, ATTT theo cấp độ, đáp ứng bệnh viện thông minh hiện đại, chất lượng và đáp ứng liên thông dữ liệu.	6.644	6.643,7				
13	Hoàn thiện hệ Bệnh án điện tử, Ứng dụng AI và Big Data trong hỗ trợ chẩn đoán điều trị, phục hồi chức năng	Bệnh viện Phục hồi chức năng Hương Sen	Các sở, ngành, đơn vị, doanh nghiệp liên quan	Nhiệm vụ chuyển tiếp	2026	Hoàn thiện hồ sơ bệnh án điện tử, ứng dụng AI, ATTT theo cấp độ, đáp ứng bệnh viện thông minh hiện đại, chất lượng và đáp ứng liên thông dữ liệu. Nhằm nâng cao chất lượng các dịch vụ khám chữa bệnh tại đơn vị.	10.215	10.215				

14	Duy trì hoạt động hạ tầng của Cổng thông tin điện tử tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh	Nhiệm vụ hàng năm	Thường xuyên	Cổng Thông tin điện tử tỉnh hoạt động 24/7	416	416				
15	Thuê dịch vụ CNTT: Duy trì hoạt động hạ tầng Trung tâm giám sát, điều hành thông minh tỉnh Tuyên Quang (IOC)	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ hàng năm	Thường xuyên	Hạ tầng kỹ thuật của Hệ thống Trung tâm giám sát điều hành thông minh tỉnh đặt tại VPUBND tỉnh	3.122	3.122				
16	Thuê dịch vụ nền tảng trực chia sẻ LGSP; kết nối với NGSP	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ hàng năm	Thường xuyên	Nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu tỉnh LGSP	1.300	1.300				
17	Nâng cấp Ứng dụng Chính quyền số tỉnh Tuyên Quang (dự án Đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin tỉnh Tuyên Quang tiến tới cuộc cách mạng 4.0, giai đoạn 2021 – 2022	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Nhiệm vụ mới	Quý III	Ứng dụng App Tuyên Quang ID	4.000	4.000				
18	Nâng cấp, tích hợp Cổng cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Tuyên Quang	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	Quý III	Cổng cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Tuyên Quang	4.800	4.800				
19	Nâng cấp Phần mềm số hoá kết quả giải quyết thủ tục hành chính, xây dựng cơ sở dữ liệu số hoá kết quả giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Tuyên Quang	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	Quý III	Phần mềm số hoá kết quả giải quyết thủ tục hành chính	2.000	2.000				
20	Triển khai thuê nền tảng Điện toán đám mây	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Nhiệm vụ mới	Thường xuyên	Các HTTT được triển khai trên nền tảng ĐTĐM	4.800	4.800				
21	Duy trì, nâng cấp Nền tảng E-mail công vụ chung cho tỉnh Tuyên Quang, ứng dụng từ cấp tỉnh đến cấp phường, xã.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ hàng năm	Thường xuyên	Duy trì Hệ thống mail công vụ hoạt động 24/7	100	100				

22	Chuyển dữ liệu, tài khoản người dùng của Hệ thống quản lý truy xuất nguồn gốc , địa chỉ: Truyxuatnguogoc.congthuongtuyenquang vào Sàn giao dịch và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, địa chỉ: hagiangtrace.com và đổi tên sàn giao dịch là Công truy xuất nguồn gốc tỉnh Tuyên Quang, địa chỉ: truyxuatnguogoc.tuyenquang.gov.vn	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công Thương	Nhiệm vụ mới	2026	Cổng truy xuất nguồn gốc tỉnh Tuyên Quang	180	180				
23	Duy trì Cổng truy xuất nguồn gốc truyxuatnguogoc.tuyenquang.gov.vn	Sở Khoa học và Công nghệ		Nhiệm vụ hàng năm	2026	Duy trì phần mềm Công truy xuất nguồn gốc tỉnh	140	140				
24	Triển khai Nền tảng quản lý công việc cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Nhiệm vụ mới	Thường xuyên	Hệ thống quản lý công việc cấp xã	4.900	4.900				
25	Triển khai Kho dữ liệu dùng chung	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Nhiệm vụ mới	Quý I	Kho dữ liệu của tỉnh kết nối đến Trung tâm dữ liệu Quốc gia	6.950	6.950				
26	Triển khai nền tảng phần mềm, trang thiết bị xác thực quản lý theo dõi báo cáo thông kê kết quả thực hiện dịch vụ công trực tuyến tại các xã phường theo thời gian thực trên địa bàn toàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND các xã, phường	Nhiệm vụ mới	2026	Phần mềm xác thực quản lý theo dõi báo cáo thông kê kết quả thực hiện dịch vụ công trực tuyến tại các xã phường theo thời gian thực trên địa bàn toàn tỉnh	6.500	6.500				
27	Thiết lập Trung tâm dữ liệu theo hướng điện toán đám mây tỉnh Tuyên Quang	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2026		3.200	3.200				

28	Nâng cấp mạng nội bộ (LAN) cho 24 xã, phường đảm bảo kết nối với các nền tảng dùng chung của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND các xã, phường	Nhiệm vụ mới	2026	Xây dựng mạng LAN cho 24 xã	6.800	6.800				
29	Nâng cấp Phần mềm quản lý hồ sơ người có công và đối tượng chính sách	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp liên quan	Nhiệm vụ, dự án mới (nâng cấp phần mềm quản lý)	2026	- Bổ sung Modul phân quyền chi tiết theo dữ liệu và Chia sẻ dữ liệu về 124 xã, phường- Bổ sung Module tìm kiếm thông minh trên toàn bộ dữ liệu hồ sơ- Bổ sung Module ghi lại quá trình sửa đổi dữ liệu bởi người dùng theo từng phiên bản chi rõ nội dung sửa đổi và cho phép khôi phục lại dữ liệu bao gồm cả dữ liệu đã bị xoá- Bổ sung quy trình phê duyệt hồ sơ và ra quyết định. Tích hợp chữ ký số để ra quyết định điện tử thay vì phải in và ký, đóng dấu như hiện tại- Đào tạo và chuyển giao phần mềm xuống 124 xã phường	1.968				1.968	Vốn Trung ương

30	Phần mềm Thi đua - Khen thưởng	Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng)	Các cơ quan đơn vị, xã, phường trên địa bàn tỉnh	Nhiệm vụ mới	2026	Phần mềm được nâng cấp	1.363	0	0	0	1.363	
31	Nâng cấp, mở rộng và bổ sung chức năng báo cáo công tác cải cách hành chính vào phần mềm quản lý chấm điểm xác định chỉ số cải cách hành chính các cấp tỉnh Tuyên Quang	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Dự án chuyển tiếp	2026	Phần mềm quản lý chấm điểm xác định chỉ số cải cách hành chính các cấp tỉnh Tuyên Quang được nâng cấp, cập nhật số liệu, tài liệu theo thời gian thực và bổ sung chức năng báo cáo	2.500	2.500				
32	Thuê dịch vụ công nghệ thông tin để quản lý cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tỉnh Tuyên Quang năm 2026; giai đoạn 2026-2030	Sở Nội vụ	Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan		2026	cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tỉnh Tuyên Quang năm 2026	4.056	4.056				
33	Nâng cấp, mở rộng Phần mềm đánh giá, xếp loại chất lượng chất lượng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường; tập thể lãnh đạo, quản lý các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường và cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền đánh giá, xếp loại của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hằng tháng, quý, năm trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Dự án chuyển tiếp	2026	Phần mềm được nâng cấp, mở rộng	4.314	4.314				

34	Đề án Quản lý và xử lý nghiệp vụ tài liệu lưu trữ của cơ quan, tổ chức cấp huyện sau sắp xếp tổ chức bộ máy tỉnh Tuyên Quang	Sở Nội vụ	Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan	Nhiệm vụ mới	2026; và các năm tiếp theo	Chỉnh lý, số hóa khối tài liệu của các cơ quan, tổ chức cấp huyện sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy	67.088					- Theo Quyết định số 1710/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh. Trong đó: + Tổng kinh phí đề án giai đoạn 2025-2030 là: 237.415 triệu đồng (năm 2026: 67.088 triệu đồng) + Nguồn kinh phí: Nguồn ngân sách tỉnh là 5% tổng kinh phí Đề án; Kinh phí từ ngân sách trung ương là 95% còn lại
35	Số hoá hồ sơ người có công với cách mạng	Sở Nội vụ	Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan	Nhiệm vụ mới	2026	Chỉnh lý, số hóa người có công với cách mạng	632				632	Vốn Trung ương
36	Phần mềm Quản lý và lập báo cáo ngân sách	Sở Tài chính	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2026	Phần mềm ứng dụng	50	50				

37	Nâng cấp Hệ thống thông tin nguồn tập trung cấp tỉnh phục vụ kết nối liên thông hệ thống truyền thanh công nghệ thông tin từ Trung ương đến địa phương	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị có liên quan		2026	Phần mềm được nâng cấp	1.500	1.500				
38	Mở rộng Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh tỉnh Tuyên Quang	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Nhiệm vụ mới	2026	Hệ thống IOC cập nhật đầy đủ theo hướng dẫn của Bộ KHCN	26.000	10.000	16.000			
39	Triển khai Hệ thống trợ lý ảo cho Công chức, viên chức tỉnh Tuyên Quang	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Nhiệm vụ mới	2026	Công cụ hỗ trợ cho CCVC trong xử lý công việc	3.000	3.000				
40	Duy trì hoạt động của Hệ thống Hội nghị truyền hình tỉnh Tuyên Quang	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Nhiệm vụ chuyển tiếp	2026	Hệ thống Hội nghị truyền hình	5.727	5.727				
41	Trang bị bổ sung thiết bị hội nghị truyền hình cho các xã, phường trên địa bàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Nhiệm vụ chuyển tiếp	2026	Hệ thống Hội nghị truyền hình	4.954	4.954				
42	Hệ thống trang thiết bị điện tử phục vụ công tác chỉ huy chiến đấu của lực lượng cảnh sát cơ động Công an tỉnh Tuyên Quang	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Nhiệm vụ mới	2027	Hệ thống trang thiết bị điện tử phục vụ công tác chỉ huy chiến đấu của lực lượng cảnh sát cơ động Công an tỉnh Tuyên Quang	5.000		5.000			
43	Nâng cấp, hiện đại hóa Camera giám sát an ninh trật tự - giao thông trên địa bàn tỉnh	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Nhiệm vụ mới	2030		382.369		382.369			
44	Dự án số hóa và lưu trữ tài liệu điện tử, mở rộng hệ thống phần mềm quản lý và hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyển đổi số	Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2026		28.000		28.000			

45	Dịch vụ duy trì, vận hành và hỗ trợ kỹ thuật hệ thống phân phối nội dung qua internet trên các hạ tầng website, apps mobile, app smartTV	Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2026		2.000	2.000				
46	Đầu tư thiết bị phục vụ triển khai nền tảng cửa khẩu số	Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Dự án chuyển tiếp	2026	Đầu tư thiết bị	458	458				
IV	XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU CHUYÊN NGÀNH						93.220	93.220	0	0	0	
IV.1	Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường: Triển khai Xây dựng kho dữ liệu số và hệ thống báo cáo chỉ đạo điều hành ngành Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang đảm bảo kết nối với kho dữ liệu dùng chung của tỉnh và các hệ thống khác; sẵn sàng chia sẻ dữ liệu qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) theo quy định	Sở Nông nghiệp và Môi trường					26.650	26.650	0	0	0	

1	Xây dựng kho dữ liệu số và hệ thống báo cáo chỉ đạo điều hành ngành Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang	Sở Nông nghiệp và Môi trường (Văn phòng sở, Phòng Kế hoạch - Tài chính)	Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ngành liên quan; các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở	Nhiệm vụ, dự án mới	2026	Tích hợp các cơ sở dữ liệu của tỉnh Hà Giang trước đây đã xây dựng như: Hệ thống truy xuất nguồn gốc; hệ thống CSDL phần mềm quản lý lĩnh vực thủy lợi vào CSDL cơ sở dữ liệu nông nghiệp (WebGis) phục vụ quản lý ngành và phát triển chuyển đổi số trong nông nghiệp đến 2030 của tỉnh Tuyên Quang... để đảm bảo dữ liệu tập trung	18.650	18.650				Bao gồm hạ tầng đảm bảo hoạt động; Nâng cấp, mở rộng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu truy xuất nguồn gốc, mã vùng trồng, truy vết sản phẩm của tỉnh Hà Giang (trước sáp nhập) vào CSDL ngành nông nghiệp (WebGIS) tỉnh Tuyên Quang; tạo lập cơ sở dữ liệu về cơ sở chăn nuôi, lĩnh vực Thủy lợi...
2	Thuê hệ thống xây dựng, quản lý vận hành CSDL đất đai tỉnh Tuyên Quang	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các xã, phường; các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ chuyển tiếp	2026	Hệ thống vận hành CSDL đất đai	8.000	8.000				

IV.2	Lĩnh vực Tư pháp: Triển khai Xây dựng kho dữ liệu số và hệ thống báo cáo chỉ đạo điều hành ngành Tư pháp tỉnh Tuyên Quang đảm bảo kết nối với kho dữ liệu dùng chung của tỉnh và các hệ thống khác; sẵn sàng chia sẻ dữ liệu qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) theo quy định	Sở Tư pháp					5.000	5.000	0	0	0	
1	Tạo lập và phát triển CSDL lĩnh vực tư pháp	Sở Tư pháp	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan		2026		5.000	5.000				
IV.3	Lĩnh vực Công thương: Triển khai Xây dựng kho dữ liệu số và hệ thống báo cáo chỉ đạo điều hành ngành Công thương tỉnh Tuyên Quang đảm bảo kết nối với kho dữ liệu dùng chung của tỉnh và các hệ thống khác; sẵn sàng chia sẻ dữ liệu qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) theo quy định	Sở Công Thương					5.070	5.070	0	0	0	
1	Duy trì khai thác Hệ thống Cơ sở dữ liệu kinh tế, công nghiệp và thương mại tỉnh Tuyên Quang	Sở Công Thương	Các sở, ngành, UBND cấp xã và các đơn vị có liên quan	Nhiệm vụ, dự án chuyển tiếp	2026	Trang thông tin các sản phẩm nông thôn miền núi, vùng sâu vùng xa tỉnh Tuyên Quang là Trang thông tin điện tử giới thiệu sản phẩm nông thôn miền núi, vùng sâu vùng xa tỉnh Tuyên Quang không phải CSDL chuyên ngành	70	70				

2	Xây dựng kho dữ liệu số và hệ thống báo cáo chỉ đạo điều hành ngành Công thương tỉnh Tuyên Quang	Sở Công Thương	Các sở, ngành, UBND cấp xã và các đơn vị có liên quan		2026		5.000	5.000				Bao gồm CSDL kinh tế, công nghiệp và thương mại tỉnh Tuyên Quang
IV.4	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo: Triển khai Xây dựng kho dữ liệu số và hệ thống báo cáo chỉ đạo điều hành ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Tuyên Quang đảm bảo kết nối với kho dữ liệu dùng chung của tỉnh và các hệ thống khác; sẵn sàng chia sẻ dữ liệu qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) theo quy định	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Nhiệm vụ chuyển tiếp	2026-2030	Kho dữ liệu ngành Giáo dục và Đào tạo	32.000	32.000	0	0	0	

1	Xây dựng Hệ sinh thái giáo dục thông minh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Nhiệm vụ chuyển tiếp	2026	- Xây dựng CSDL ngành giáo dục tập trung, chuẩn hóa, có khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu thông suốt với các phần mềm giáo dục trên địa bàn; đồng thời liên thông với CSDL của tỉnh, của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;- Tích hợp các phân hệ quản lý giáo dục, hồ sơ sổ sách điện tử, học bạ số, học và thi trực tuyến, kiểm định chất lượng, văn bằng số, thời khóa biểu, quản lý chế độ chính sách cho học sinh, quản lý công chức, viên chức...- Hệ tăng máy chủ vận hành CSDL đặt tại Trung tâm dữ liệu tỉnh; trung tâm điều hành giáo dục thông minh tại Sở GDĐT	32.000	32.000				Bao gồm học bạ số cho các cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên
---	---	------------------------	---	----------------------	------	---	--------	--------	--	--	--	---

IV.5	Lĩnh vực Tài chính: Triển khai Xây dựng kho dữ liệu số và hệ thống báo cáo chỉ đạo điều hành ngành Tài chính tỉnh Tuyên Quang đảm bảo kết nối với kho dữ liệu dùng chung của tỉnh và các hệ thống khác; sẵn sàng chia sẻ dữ liệu qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) theo quy định	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Nhiệm vụ chuyển tiếp	2026-2030	Kho dữ liệu ngành Tài chính	5.000	5.000	0	0	0	
1	Tạo lập và phát triển CSDL lĩnh vực Tài chính						5.000	5.000				
IV.6	Lĩnh vực Xây dựng: Triển khai Xây dựng kho dữ liệu số và hệ thống báo cáo chỉ đạo điều hành ngành Xây dựng tỉnh Tuyên Quang đảm bảo kết nối với kho dữ liệu dùng chung của tỉnh và các hệ thống khác; sẵn sàng chia sẻ dữ liệu qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) theo quy định	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường		2026		5.000	5.000				
1	Tạo lập và phát triển CSDL lĩnh vực xây dựng	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Nhiệm vụ chuyển tiếp	2026-2030	Kho dữ liệu ngành Xây dựng	5.000	5.000	0	0	0	
IV.7	Lĩnh vực Văn hóa, thể thao và Du lịch: Triển khai Xây dựng kho dữ liệu số và hệ thống báo cáo chỉ đạo điều hành ngành Văn hóa, thể thao và Du lịch tỉnh Tuyên Quang đảm bảo kết nối với kho dữ liệu dùng chung của tỉnh và các hệ thống khác; sẵn sàng chia sẻ dữ liệu qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) theo quy định	Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường		2026		12.100	12.100				

1	Nâng cấp Thư viện số tỉnh Tuyên Quang	Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Nhiệm vụ chuyển tiếp	2026	Thư viện số tỉnh Tuyên Quang	500	500	0	0	0	
2	Thuê dịch vụ công nghệ thông tin Hệ thống du lịch thông minh tỉnh Tuyên Quang	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị có liên quan	Nhiệm vụ, dự án mới	2026 và các năm tiếp theo	Cổng du lịch thông minh tỉnh Tuyên Quang	1.100	1.100				
3	Thuê dịch vụ công nghệ thông tin Hệ thống Cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Tuyên Quang	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị có liên quan	Nhiệm vụ, dự án mới	2026 - 2030	Kho dữ liệu ngành Văn hóa, thể thao và Du lịch	2.500	2.500				Tổng kinh phí: 10.500 (Năm 2026: 2,5 tỷ; Giai đoạn 2027 - 2030: 08 tỷ)
4	Xây dựng dữ liệu Camera 360 cho một số địa điểm du lịch hiện chưa được xây dựng và tích hợp lên Hệ thống du lịch thông minh tỉnh Tuyên Quang	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị có liên quan	Nhiệm vụ, dự án mới	2026 - 2030		3.000	3.000				Tổng kinh phí: 18 tỷ (Năm 2026: 3 tỷ; Giai đoạn 2027 - 2030: 15 tỷ)
5	Dự án Ứng dụng du lịch thông minh tại Khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt ATK Tân Trào giai đoạn 2026 – 2030”	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị có liên quan	Nhiệm vụ, dự án mới	2026 - 2030		5.000	5.000				Tổng kinh phí: 21 tỷ (Năm 2026: 05 tỷ; Giai đoạn 2027 - 2030: 16 tỷ)

IV.8	Lĩnh vực Ngoại vụ: Triển khai Xây dựng kho dữ liệu số và hệ thống báo cáo chỉ đạo điều hành ngành Ngoại vụ tỉnh Tuyên Quang đảm bảo kết nối với kho dữ liệu dùng chung của tỉnh và các hệ thống khác; sẵn sàng chia sẻ dữ liệu qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) theo quy định	Sở Ngoại vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường		2026	Kho dữ liệu ngành Ngoại vụ	5.000	5.000				
1	Tạo lập và phát triển CSDL lĩnh vực Ngoại vụ		Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Nhiệm vụ chuyển tiếp	2026-2030	Kho dữ liệu ngành Ngoại vụ	5.000	5.000	0	0	0	
IV.9	Lĩnh vực Y tế: Triển khai Xây dựng kho dữ liệu số và hệ thống báo cáo chỉ đạo điều hành ngành Y tế tỉnh Tuyên Quang đảm bảo kết nối với kho dữ liệu dùng chung của tỉnh và các hệ thống khác; sẵn sàng chia sẻ dữ liệu qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) theo quy định	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường		2026	Kho dữ liệu ngành Y tế	5.000	5.000				
	Tạo lập và phát triển CSDL lĩnh vực Y tế		Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Nhiệm vụ chuyển tiếp	2026-2030	Kho dữ liệu ngành Y tế	5.000	5.000	0	0	0	
IV.10	Lĩnh vực Thanh tra: Triển khai Xây dựng kho dữ liệu số và hệ thống báo cáo chỉ đạo điều hành ngành Thanh tra tỉnh Tuyên Quang đảm bảo kết nối với kho dữ liệu dùng chung của tỉnh và các hệ thống khác; sẵn sàng chia sẻ dữ liệu qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) theo quy định	Thanh tra tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường		2026		2.000	2.000				

1	Tạo lập và phát triển CSDL lĩnh vực Thanh tra	Thanh tra tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Nhiệm vụ chuyển tiếp	2026-2030	Kho dữ liệu ngành Thanh tra	2.000	2.000	0	0	0	
IV.11	Lĩnh vực Công nghiệp và Kinh tế: Triển khai Xây dựng kho dữ liệu số và hệ thống báo cáo chỉ đạo điều hành về khu Công nghiệp và Kinh tế tỉnh Tuyên Quang đảm bảo kết nối với kho dữ liệu dùng chung của tỉnh và các hệ thống khác; sẵn sàng chia sẻ dữ liệu qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) theo quy định	Ban Quản lý các khu Công nghiệp và Kinh tế	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường		2026		2.000	2.000	0	0	0	
1	Tạo lập và phát triển CSDL lĩnh vực Công nghiệp và Kinh tế		Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Nhiệm vụ chuyển tiếp	2026-2030	Kho dữ liệu về khu Công nghiệp và Kinh tế	2.000	2.000	0	0	0	
V	ĐẢM BẢO AN TOÀN THÔNG TIN		Các cơ quan, đơn vị liên quan	Dự án chuyển tiếp	2026		99.930	0	99.930	0	0	
1	Xây dựng và vận hành Trung tâm giám sát an ninh mạng	Công an tỉnh			2026		99.930	0	99.930	0	0	